

TĂNG TRƯỞNG TRONG THAY ĐỔI



Growth in change

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2015

04

Thông điệp Chủ tịch
Hội Đồng Quản Trị

06

Thông tin chung

07

Sứ Mệnh - Tâm Nhìn
- Giá Trị Cốt Lõi

08

Ngành nghề và địa bàn
kinh doanh

10

Quá trình hình thành
và phát triển

11

Mô hình quản trị, tổ chức kinh
doanh và bộ máy quản lý

12

Sơ đồ tổ chức

14

Các công ty con
và công ty liên kết

20

Định hướng phát triển

22

Các rủi ro

24

Tình hình hoạt động
trong năm

28

Tổ chức và nhân sự

30

Hội Đồng Quản Trị

32

Ban Tổng giám đốc
- Kế toán trưởng

34

Ban kiểm soát

36

Tình hình đầu tư và thực hiện
các dự án

38

Tình hình các công ty con,
công ty liên kết

40

Thông tin cổ phiếu và cổ đông

42

Môi trường và xã hội

47

Báo cáo của
Tổng giám đốc

57

Đánh giá của
Hội đồng quản trị

61

Quản trị công ty

71

Báo cáo tài chính

TĂNG TRƯỞNG TRONG THAY ĐỔI



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LỢI NHUẬN TRƯỚC
THUẾ HỢP NHẤT GẦN
205,4 TỶ ĐỒNG
ĐẠT **158%**
KẾ HOẠCH

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ KHÁCH HÀNG!

Với những thuận lợi tương đối tích cực của nền kinh tế Việt Nam năm 2015, thị trường ô tô đã có bước tăng trưởng khá cao, thị trường bất động sản và tài chính tiếp tục trên đà phục hồi... Tuy nhiên, tình hình an ninh, chính trị của thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

Năm 2015 cũng là năm Savico có sự thay đổi nhân sự cấp cao ở các vị trí quản trị, điều hành, kiểm soát và cũng là năm đầu thực hiện kế hoạch chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015- 2020. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã tập trung, chủ động, nỗ lực kế thừa và phát huy trong mọi hoạt động cũng như tận dụng các cơ hội để tiếp tục phát triển, gia tăng mạng lưới và hiệu quả của chuỗi kinh doanh, dịch vụ nòng cốt; Thanh lý, sắp xếp lại những ngành hàng kinh doanh không có triển vọng phát triển; Cắt giảm các khoản đầu tư bất động sản và tài chính chưa hiệu quả; Tăng cường công tác dự báo, phòng ngừa rủi ro; Kiểm soát chặt nguồn vốn, dòng tiền và đã hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông Công ty đã

giao. Kết thúc năm 2015, Savico đạt tổng doanh thu hợp nhất là 9.898,4 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 205,4 tỷ đồng đạt 158% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hơn 163,3 tỷ đồng đạt 163% kế hoạch.

Savico đạt được kết quả như nêu trên là nhờ có sự tin tưởng, ủng hộ và chia sẻ trong suốt thời gian qua của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng; Sự hỗ trợ, tư vấn của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát...; Sự phấn đấu và quyết tâm của đội ngũ Ban điều hành, Lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên toàn hệ thống Savico cùng sự quan tâm, hỗ trợ của các đoàn thể và sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp lãnh đạo. Thay mặt Hội đồng quản trị Savico, tôi xin được ngỏ lời tri ân và cảm ơn sâu sắc!

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng!
Bước sang năm 2016, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ở mức cao khi GDP ước đạt gần 7%, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tỉ giá được điều hành linh hoạt và hợp lý; thị trường ô tô cũng sẽ tăng trưởng nhưng do ảnh hưởng bởi chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng từ 01/01/2016 cũng như chính sách giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập khu vực ASEAN nên dự báo mức độ tăng trưởng sẽ không bằng năm 2015, thị trường bất động sản sẽ tiếp tục phục hồi nhờ những điều kiện kinh tế đã được cải thiện. Song, năm 2016 Việt Nam cũng sẽ chính thức hội nhập với khu vực và thế giới thông qua một số hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, trong đó nổi bật nhất là Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương, môi trường kinh doanh sẽ ngày càng phức tạp và cạnh tranh gay gắt hơn... Do vậy, Hội đồng quản trị đề ra những định hướng như sau:

- * Tiếp tục phát triển, mở rộng mạng lưới, đa dạng sản phẩm, chất lượng và hiệu quả của chuỗi kinh doanh, dịch vụ của lĩnh vực dịch vụ thương mại theo định hướng, chiến lược giai đoạn 2015-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- * Đối với lĩnh vực bất động sản cần nhanh chóng, tận dụng cơ hội thị trường để phát triển các dự án mới, đẩy nhanh việc đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm để tạo

nhân tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Savico và hệ thống.

- * Nâng cao vai trò quản trị tài chính đối với từng đơn vị và cả hệ thống, tăng cường liên kết với ngân hàng chiến lược để đảm bảo và đáp ứng kịp thời nguồn vốn với các điều kiện tối ưu cho hoạt động kinh doanh, đầu tư của các đơn vị trong hệ thống.
- * Nâng cao vai trò, năng lực và hoạt động kiểm soát, phòng ngừa rủi ro tại các đơn vị; Sắp xếp lại đội ngũ Người đại diện vốn, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định có liên quan nhằm đáp ứng theo các mục tiêu, yêu cầu quản trị, điều hành của đơn vị và cả hệ thống.
- * Phối hợp tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện mục tiêu đào tạo, lộ trình phát triển nhân sự; xây dựng hệ thống các chính sách nhằm tạo động lực để nhân sự phát huy năng lực, thu hút và duy trì nhân sự, đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của hệ thống. Đẩy mạnh thực thi văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, phối hợp với các đơn vị thành viên
- * Xây dựng chính sách phát triển thương hiệu Savico. Tăng cường quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư, đối tác có chiến lược kinh doanh phù hợp với Savico, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cho giai đoạn mới.

Bối cảnh mới, đem lại nhiều cơ hội mới và cũng đặt ra không ít thách thức cho sự phát triển của hệ thống Savico. Nhưng tôi tin rằng với sự chuẩn bị nghiêm túc cho kế hoạch 2016 cùng với những nỗ lực, quyết tâm và vượt khó của đội ngũ cán bộ nhân viên hệ thống Savico; sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng; sự quan tâm, hỗ trợ của các đoàn thể và sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời, tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo, nhất định Savico sẽ vượt qua thách thức, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu nhiệm vụ đặt ra cho năm 2016, giữ vững đà phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng và xã hội.

Xin chân thành cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Bình Minh

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin Doanh nghiệp

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
 Tên giao dịch : SAVICO
 Mã chứng khoán : SVC
 Trụ sở chính : 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 3821 3913
 Fax : (84-8) 3821 3553
 Website : www.savico.com.vn
 Email : savico@savico.com.vn



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.

SỨ MỆNH

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất luôn hướng mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Minh bạch: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh

Tôn trọng: Cổ đông, Nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

Trách nhiệm: Tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội.

Sáng tạo: Luôn tìm kiếm cơ hội, tự đổi mới để gia tăng uy tín và hiệu quả doanh nghiệp

Đoàn kết: Đồng thuận, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gạt hái thành công.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TẬP TRUNG VÀO 3 LĨNH VỰC CHÍNH: DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH.

01

DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo tập trung vào các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Chevrolet, Hyundai, Honda, Yamaha, Suzuki, Hino, Fuso...

02

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Phát triển hệ thống bất động sản để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại; kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp.

03

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Tập trung hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại và Dịch vụ Bất động sản; đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; tìm kiếm và đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết khi có điều kiện thích hợp.

Địa bàn kinh doanh:
Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng từ Bắc và Nam, trong đó:

- * Khu vực phía Bắc: tập trung vào địa bàn Hà Nội, Hải Dương, Nam Định.
- * Khu vực miền Trung - Tây Nguyên: tập trung vào địa bàn Đà Nẵng, Bình Định, Gia Lai.
- * Khu vực TP. HCM và Đông Nam Bộ: tập trung vào địa bàn TP. HCM, Bình Dương, Bình Thuận, Tây Ninh.
- * Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long: tập trung vào địa bàn Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Giai đoạn hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp Nhà nước (1982 đến 2004)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

Năm 1986, Công ty đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là Savico.

Năm 1990, Công ty là đơn vị tiên phong tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ Thương mại sau này.

Từ năm 1998 đến năm 2004, bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt, hỗ trợ và củng cố hoạt động; Công ty đã từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet, ...

Giai đoạn hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần 2005 đến nay

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) chuyển hoạt động sang mô hình công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 04/01/2005.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SVC.

Ngày 01 tháng 06 năm 2009, Cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVC.

Trong giai đoạn này, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 128,73 tỷ đồng lên 249,95 tỷ đồng để đáp ứng cho sự phát triển cũng như thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, tái cơ cấu tài sản/ nguồn vốn, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với qui mô phát triển từng giai đoạn của Công ty.

Từ năm 2014, song song với việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản/ nguồn vốn Công ty từng bước sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo trẻ có năng lực, tâm huyết và năng động cũng được đào tạo, chuyển giao...

Công ty tập trung đầu tư cho lĩnh vực kinh doanh nền tảng là Dịch vụ Thương mại. Đến cuối năm 2015, hệ thống Công ty đã có tổng cộng 27 đại lý xe ô tô. Bên cạnh hệ thống đại lý xe ô tô du lịch truyền thống, Công ty đã chính thức mở rộng sang phân khúc xe thương mại, đồng thời tham gia hoạt động nhập khẩu và phân phối phân khúc xe cao cấp - mở đầu bằng hoạt động phân phối độc quyền thương hiệu Volvo tại thị trường Việt Nam.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Savico phát triển theo mô hình công ty đầu tư (công ty mẹ), đầu tư vào các dự án dịch vụ thương mại, bất động sản, tài chính; góp vốn và tham gia quản trị song hành với các công ty con để phát triển kinh doanh. Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị

trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống Savico. Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản lý theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
CÔNG TY CON					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort tại Bãi Trẹm, đường Hoàng Sa, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	84.000	98,00%
2	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	7-9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, phường Gia Thụy, Q.Long Biên, Tp. Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	80.000	70,00%
Đơn vị trực thuộc:					
	Trung Tâm Thương Mại Savico Mega Mall	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 62 668 855 www.savicomegamall.com			
	Công Ty TNHH Toyota Long Biên	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 62 777 999 - Fax: (84.4) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669 Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn www.toyotalongbien.org			
	Công Ty TNHH Toyota Hải Dương	Số 1 đường Ngô Quyền, Phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84.320) 3555 999 - Fax: (84.320) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
3	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	807 Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	18.088	51,00%
	Toyota Giải Phóng	Số 807 Giải phóng - Hoàng Mai - Hà Nội Tel: 04 3664 0124 * Fax: 04 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagiaiphong.com.vn www.toyotagiaiphong.vn			
	Toyota Pháp Vân	P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 3642 5588 - Fax: (84.4) 3642 5599 Hotline: 098 999 7879 www.toyota-phapvan.com			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
CÔNG TY CON					
4	Công ty CPDV Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford)	61A Cao Thắng, P.3, Q.3, Tp.HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	64.000	52,05%
Đơn vị trực thuộc:					
	Saigon Ford - Cao Thắng	61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, TP. HCM ĐT: (84.8) 3818 1458 - Fax: (84.8) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686 Hotline kinh doanh: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn www.saigonford.savico.com.vn www.saigonford.com.vn			
	Saigon Ford - Phố Quang	TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (84.8) 3844.2947/ 3844.2948 Fax: (84.8) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 Email: phoquang@saigonford.com.vn			
	Sài Gòn Automax	72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP. HCM ĐT: (84.8) 3838 9508 - Fax: (84.8) 3838 9521 Web: www.mazdabenthanh.com.vn			
	Sài Gòn Automax	295 Bến Chương Dương, Q.1. Tp. HCM ĐT: (84.8) 3920 4393 - Fax: (84.8) 3920 4394 www.saigonautomax.bonbanh.com			
	Boutique 6A Trần Hưng Đạo	Tel: (84.) 3915 3244 - Fax: (84.8) 3915 3243 Hotline:093 898 0139 Email: saigonford@saigonford.com.vn			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84.710) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84.710) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558 Email: cantho@saigonford.com.vn www.canthoford.vn			
5	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	49.626	51,00%

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
CÔNG TY CON					
6	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	66 Võ Văn Tần, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	30.000	70,00%
Đơn vị trực thuộc:					
	Công ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn (Hyundai Sông Hàn)	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84.511) 378 3555 - Fax: (84.511) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn			
	Hyundai Gia Lai	278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: 059.3862255 Fax : 059.3862266. Hotline: 059.3735888			
	Công ty Cổ Phần Dana - Danaford	56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: 0511. 364 6555 - Fax : 0511. 364 6746 Hotline cứu hộ : 0905 444 888 - Email: danaford@danaford.com.vn Web: www.danaford.com.vn Hotline kinh doanh: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838			
	Dana Ford Bình Định	73 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: 056. 3546 555 - Fax : 056. 3546 488 Hotline : 0905 631 666 - Email: dongpq@danaford.com.vn			
	Dana Ford Gia Lai	284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84-059) 3535555 - Fax : (84-059) 3551777			
7	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ)	Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	50.000	93,00%
8	Công ty Cổ Phần Ô tô Vĩnh Thịnh (Hino Vĩnh Thịnh)	55/5 Khu phố Bình Giao, P.Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	90,00%

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
CÔNG TY CON					
9	Công ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	510 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, Tp.HCM	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và VEAM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	15.000	59,62%
Đơn vị trực thuộc:					
	Cửa hàng	778 Kha Vạn Cân, Q. Thủ Đức ĐT: (84.8) 3897 9022			
	Cửa hàng	379 Quang Trung, Q. Gò Vấp Điện thoại: (08) 22464364 Fax: (08) 62579143			
	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức. Điện thoại : (08) 3727 3438 Fax: (08) 37273133			
	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	673 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, HCM ĐT: 08 37733893 Fax: 08 37733902			
11	Công ty Cổ Phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ)	274 đường 30/4 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	12.000	84,17%
12	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ)	164-166C Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7.660	88,12%
Đơn vị trực thuộc:					
	Cửa hàng	164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT : (84.710) 3780 164 - Fax: (84.710) 3780 166			
	Cửa hàng	Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT : (84.710) 3783 979 - (84.710) 3783 839			
	Cửa hàng	291 Ấp An Nhơn, xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long ĐT : (84.070) 3976 888 - Fax: (84.070) 3976 777			
	Trạm dịch vụ và phụ tùng	164/1B, Đường 3/2 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT : (84.710) 3782 982			

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VDL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
13	Công ty Cổ phần OtoS (OtoS)	66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	6.900	77,07%
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	384A/2 Kha Vạn Cân, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp. HCM	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	79.315	40,03%
2	Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q.2, TP.HCM	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	58.500	35,16%
Đơn vị trực thuộc:					
	Toyota Đông Sài Gòn	Địa chỉ: 507 Xa lộ Hà Nội, An Phú, Quận 2, TP.HCM Phone: (08) 3 8989 242 - Fax: (08) 3 8989 243 Hotline: 19006428 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi Nhánh Gò Vấp	Địa chỉ: 18 Phan Văn Trị, P7, Quận Gò Vấp, TP.HCM Phone: (08) 3 989 6636 - Fax: (08) 3 989 6637 Hotline: 19006438 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi Nhánh Nguyễn Văn Lượng	Địa chỉ: 63A Nguyễn Văn Lượng, P10, Quận Gò Vấp, TP.HCM Phone: (08) 3 9212 808 - Fax: (08) 3 9212 809 Hotline: 0918335050 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận	Địa chỉ: Khu dân cư Bến Lội - Lại An, thôn Thắng Thuận, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận Phone: (062) 3739 212 - Fax: (062) 3739 210 Hotline: 0901662828 Email: tesc@toyotasaigon.com			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VDL (31/12/2015) TRĐ	TỶ LỆ VỐN GÓP SAVICO
CÔNG TY LIÊN KẾT					
3	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	20%
	Chi nhánh 1	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: 083.971.3838 - Fax: 083.971.3209			
	Chi nhánh 2	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM Điện thoại: 083.816.3636 - Fax: 083.816.33.66			
4	Công ty CP Ô Tô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô)	91 đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	25.000	40%
5	Công ty Cổ phần DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)	Lô C13 đường Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	30.000	27,50%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Giai đoạn 2016-2017:

Hoàn thiện tái cấu trúc toàn hệ thống. Củng cố, tăng cường năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm quản lý và phát triển dịch vụ để phát triển mạnh Savico, từng bước hướng đến các thị trường khu vực; nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng quy mô vốn hoá, gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty đáp ứng các yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư.

- Thực hiện tái cấu trúc ngành hàng ô tô, mở rộng phát triển đại lý tại

các khu vực tiềm năng, chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực phát triển.

- Củng cố và phát triển các đại lý xe gắn máy sau quá trình tái cơ cấu.
- Xây dựng các liên minh chiến lược với các đối tác đáng tin cậy.
- Phát triển hệ thống các trung tâm thương mại, văn phòng/ mặt bằng cho thuê, tạo nguồn thu ổn định, bền vững.

Giai đoạn 2018-2020:

Tạo chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, khẳng định tính chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, nâng cao uy tín thương

hiệu trong nước, khu vực và quốc tế.

Mục tiêu đến năm 2020: Doanh thu hợp nhất toàn hệ thống đạt tối thiểu 15.000 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt tối thiểu 250 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt tối thiểu 200 tỷ đồng, trong đó Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ đạt tối thiểu 130 tỷ đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại: Ngành hàng ô tô:

- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% chi phí hoạt động của bộ phận dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt từ 15% - 17%/năm.

Ngành hàng xe gắn máy:

- Tập trung củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo đà phát triển hệ thống xe máy Savico với các thương hiệu lớn như: Honda, Yamaha...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích

cho khách hàng; Đến năm 2018, lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% tổng chi phí hoạt động của doanh nghiệp.

- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2016 đạt từ 5% - 10%; Giai đoạn 2017 - 2020 đạt từ 12% - 15%/năm.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Thực hiện đầu tư vốn vào các tài sản bất động sản, các khu đất tiềm năng, tạo dựng giá trị gia tăng cho bất động sản và hiện thực hóa lợi nhuận khi điều kiện thuận lợi.

Sản phẩm chủ lực của Công ty bao gồm:

- Trung tâm thương mại (showroom, shopping mall, Nhà hàng tiệc cưới/ hội nghị,...)
- Văn phòng cho thuê (bao gồm các cao ốc, mặt bằng, tòa nhà vừa và nhỏ).
- Căn hộ Dịch vụ - Khách sạn
- Các sản phẩm nhà ở thì tùy vào dự án, Savico có thể xem xét đầu tư phát triển.

Mục tiêu đến năm 2020:

- Là nhà đầu tư bất động sản có uy tín, thương hiệu tại thị trường Việt Nam.
- Tỷ suất lợi nhuận hàng năm đạt

từ mức bình quân của nền kinh tế trở lên.

- Ngành bất động sản trở thành một ngành kinh doanh chủ lực của Công ty, góp phần đem lại 50% cơ cấu lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty.
- Hội nhập khu vực khi có điều kiện thuận lợi.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng gắn hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông, đối tác với việc cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên cũng như tham gia chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội.



CÁC RỦI RO

Công ty Savico luôn chú trọng và không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản trị hướng đến sự phát triển bền vững. Riêng đối với công tác quản trị rủi ro, tập thể lãnh đạo Savico luôn có sự quan tâm đặc biệt; Bên cạnh công tác quản lý rủi ro được xác lập theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Savico tổ chức bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách nhằm rà soát, cảnh báo rủi ro trong quá trình hoạt động. Công tác quản trị rủi ro ngày càng hoàn thiện, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản trị rủi ro trong toàn hệ thống, từ cấp Lãnh đạo cho đến toàn thể Cán bộ nhân viên, góp phần định hướng quản trị Công ty ngày càng minh bạch, hiệu quả.

Năm 2015, Công ty có sự thay đổi về nhân sự cấp cao trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc; và là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2015 - 2020; bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Savico đối với lĩnh vực dịch vụ thương mại mà chủ lực là ngành xe ô tô, xe gắn máy và lĩnh vực dịch vụ bất động sản được nhận định có nhiều cơ hội xen lẫn các thách thức. Qua đó, Savico đã xác định một số rủi ro chính yếu cần tập trung để có giải pháp phù hợp, cụ thể như sau:

VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước như thuế, phí, lệ phí; tín dụng, lãi suất, tỷ giá; điều tiết sự phát triển ngành công nghiệp ô tô... có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đối với lĩnh vực ngành nghề chủ lực của hệ thống Savico.

Đối với rủi ro này, ngay từ đầu năm 2015, Savico đã triển khai Hội nghị kế hoạch kinh doanh toàn hệ thống để nhận định thị trường, định hướng kinh doanh cho các đơn vị; Thảo luận các giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn đối với hệ thống và từng đơn vị. Xuyên suốt quá trình hoạt động trong năm qua, Savico tăng cường công tác phân tích, đánh giá và dự báo những diễn biến có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh nhằm tăng cường tính chủ động trong việc tận dụng cơ hội, ứng phó kịp thời với rủi ro. Công ty đã có những giải pháp kịp thời khắc phục các khó khăn, ảnh hưởng từ tiến độ xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng chung của Nhà nước đến các hoạt động kinh doanh, hoạt động phát triển dự án của Công ty.

VỀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ CUNG CẤP

Hoạt động kinh doanh chính của Savico chủ yếu là đại lý phân phối cho các nhà sản xuất và lắp ráp ô tô, xe gắn máy trong nước nên sẽ chịu những ảnh hưởng từ Nhà cung cấp về thị phần, vùng thị trường, công tác phát triển đại lý, chính sách bán hàng, thanh toán, tồn kho...

Để quản lý rủi ro này, bên cạnh việc tăng cường công tác dự báo thị trường, dự trữ hàng tồn kho hợp lý, đồng thời tăng cường kết nối thông tin với Nhà cung cấp nhằm tận dụng tốt cơ hội phát triển mạng lưới kinh doanh và gia tăng hiệu quả hoạt động tại các đơn vị. Trong năm 2015, Savico đã phát triển thêm một số đại lý tại Bình Định, Gia Lai, Bình Thuận, Bình

Dương, Cần Thơ và TP.HCM; Mở rộng kinh doanh sang phân khúc xe thương mại và xe cao cấp.

VỀ NHÂN SỰ

Công tác phát triển nguồn nhân lực được chú trọng và tăng cường hơn nhằm chuẩn bị cho các dự án mới được triển khai trong năm 2015 và các năm tiếp theo. Rủi ro lớn đối với vấn đề này là việc lựa chọn nhân lực, chính sách thu hút, động viên nguồn nhân lực, công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ sao cho phù hợp với chiến lược phát triển Công ty giai đoạn sắp tới. Liên quan đến vấn đề này, Công ty đã thực hiện rất tốt việc chuẩn bị và thực hiện các bước trong công tác quy hoạch cán bộ, đánh giá tín nhiệm và tạo sự đồng thuận từ hệ thống. Qua đó, Savico đã lựa chọn được lực lượng cán bộ giỏi, trẻ và tâm huyết đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Savico.

Đối với nguồn lực phục vụ phát triển dự án, Công ty đã lựa chọn những CBNV có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành nghề và chú trọng đến công tác đào tạo từ chuyên môn cho đến kinh nghiệm thực tế cho đội ngũ CBNV tại các đơn vị trong hệ thống.

Bên cạnh đó, Savico xác định con người là nhân tố trọng tâm, quyết định sự thành công của doanh nghiệp; Công ty chú trọng đến tính hài hòa giữa lợi ích của Công ty, Cổ đông với lợi ích của người lao động nhằm thu hút nhân tài, khuyến khích sự gắn bó, đóng góp của người lao động vào sự phát triển, gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Trong



năm 2015, Quy chế tiền lương - thang bảng lương cũng được cập nhật điều chỉnh; Quy trình quy hoạch nhân sự, đào tạo, đánh giá và bổ nhiệm ngày càng được chuẩn hóa và đã được triển khai trong toàn hệ thống; Quyền lợi của người lao động, chính sách phúc lợi, khen thưởng luôn gắn với trách nhiệm và mức độ đóng góp cho hoạt động của Công ty.

VỀ TÀI CHÍNH

Từ nhiều năm qua, Savico luôn chủ động tìm kiếm và thực thi các giải pháp tài chính cho toàn hệ thống nhằm hỗ trợ các đơn vị thành viên và phát huy sức mạnh tổng hợp từ hệ thống; Savico đã từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tiếp tục hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống, nhất là các đơn vị mới thành lập tiếp cận với các nguồn vốn ổn định, chi phí thấp. Các rủi ro tài chính đặc thù của Công ty gồm rủi ro tín dụng (tiền, khoản phải thu), rủi ro thanh khoản (thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn) và nhóm rủi ro thị trường (lãi suất, tỷ giá).

Đối với Công ty:

Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính; theo đó, Công ty đã hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính - kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, thu chi tài chính, quản lý công nợ theo đúng quy chế; thu hồi cổ tức đúng kế hoạch; quản trị tốt dòng tiền; cơ cấu nợ vay hợp lý giúp tiết giảm chi phí lãi vay;

đồng thời hỗ trợ tốt về vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác thẩm định tài chính đối với các dự án đầu tư đồng thời phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các đơn vị thông qua công tác kiểm tra - rà soát định kỳ các đơn vị có vốn góp làm cơ sở cho việc gia tăng vốn góp, thoái vốn đầu tư, hoặc các hoạt động liên quan đến công tác M&A. Hoàn thiện bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ an toàn - bền vững về tài chính đối với các đơn vị có vốn góp sát với tình hình thực tế và đặc thù ngành nghề kinh doanh.

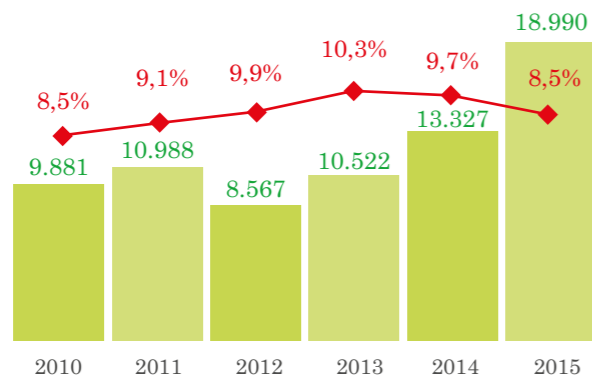
Đối với các đơn vị trong hệ thống:

Bên cạnh việc sử dụng vốn đúng mục đích, kiểm soát chặt chẽ chi phí, công tác quản lý công nợ, quản lý hàng tồn kho được tiếp tục quan tâm và chú trọng; vận dụng hiệu quả chính sách thanh toán, bán hàng và hỗ trợ từ Nhà cung cấp đã góp phần nâng cao hiệu quả tại các đơn vị trong năm 2015.

Khi số lượng, quy mô hoạt động của các đơn vị trong hệ thống ngày càng tăng lên, thì việc phòng ngừa rủi ro tốt nhất là xây dựng, theo dõi thực hiện và không ngừng chuẩn hóa các quy trình, quy định, các định mức tiêu chuẩn để áp dụng rộng rãi trong hệ thống.

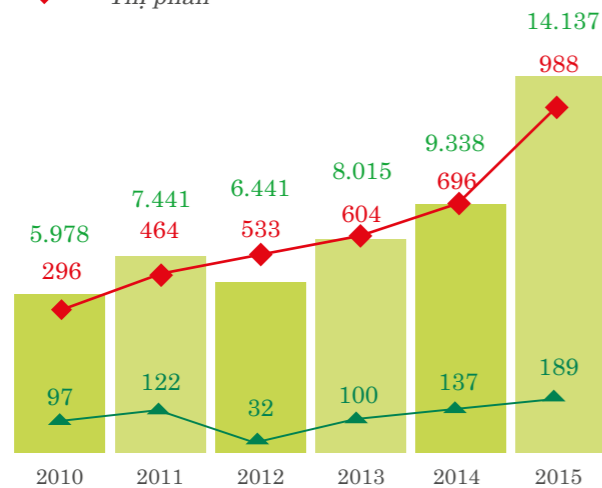


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Các thông số ngành ô tô

■ Sản lượng
◆ Thị phần



Thông số ngành ô tô

■ Tổng Doanh thu (tỷ đồng)
◆ Doanh thu dịch vụ (tỷ đồng)
▲ Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban điều hành Công ty và cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống tiếp tục tập trung đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường, kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kết quả:

* Doanh thu hợp nhất năm 2015 đạt 9.898 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch, tăng 25% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng chủ yếu do lượng xe ô tô tiêu thụ toàn hệ thống tăng so với năm 2014 và nguồn thu từ các dự án bất động sản.

* Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt gần 205,4 tỷ đồng, vượt 58% kế hoạch, tăng 73% so với cùng kỳ. Đáng chú ý là sự phát triển của hệ thống mạng lưới các đại lý ô tô nhằm tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường, góp phần duy trì thị phần ô tô của toàn hệ thống.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Ngành ô tô:

* Trong bối cảnh thị trường ô tô Việt Nam tiếp tục có nhiều diễn biến thuận lợi, thị trường tăng trưởng trên tất cả các phân khúc, lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống ô tô Savico năm 2015 đạt 18.990 xe, tăng 32,4% so với năm 2014. Điều này cho thấy Savico đã có những bước đi đúng hướng trong việc tận dụng tốt các cơ hội thị trường, tập trung phát triển hệ thống đại lý.

* Thị phần năm 2015 của hệ thống ô tô Savico trong Hiệp hội các nhà sản

xuất ô tô Việt Nam (VAMA) chiếm 8,5%, thấp hơn so với cùng kỳ.

* Doanh thu hợp nhất của hệ thống ô tô Savico năm 2015 tăng trưởng 33% so với 2014.

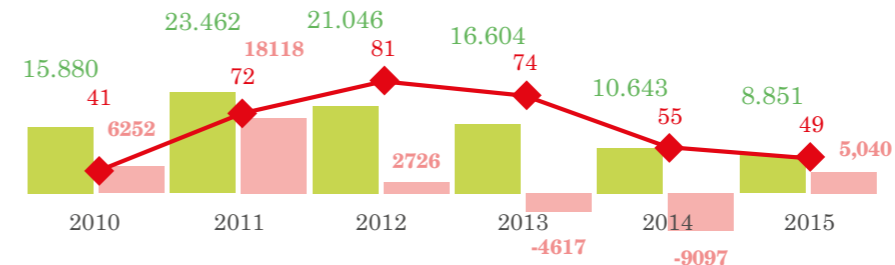
* Toàn hệ thống ô tô Savico đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng để ổn định và nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ trong năm 2015 tăng 26,5% so với 2014, hoạt động dịch vụ tại một số đơn vị tăng trưởng mạnh, đạt mức trên 30%.

* Thị trường có nhiều thuận lợi, công tác quản trị điều hành được kiểm soát tốt, toàn hệ thống ô tô Savico có mức tăng trưởng tốt về lợi nhuận trước thuế, tăng 35,7% so với 2014; Mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2015 là 19%, đạt được mục tiêu đề ra.

Ngành xe gắn máy:

* Sau khi hoàn thiện công tác tái cấu trúc, hiệu quả hoạt động của khối các đơn vị xe máy tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống xe máy Savico tăng 3% so với năm 2014. Doanh thu dịch vụ của các thương hiệu lớn Yamaha, Honda tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt trên 20% so với cùng kỳ. Mặt khác, công tác quản trị chi phí được thực hiện tốt, góp phần giúp cho lợi nhuận toàn hệ thống tăng gần gấp 3 lần so với cùng kỳ.

* Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc ngành xe máy, trọng tâm là xác định đánh giá khả năng phát triển của thương hiệu Suzuki và từng bước cấu trúc lại hệ thống các cửa hàng Suzuki. củng cố hệ thống và phát triển các thương hiệu Yamaha, Honda cùng các thương hiệu có triển vọng khác.



Các thông số ngành xe gắn máy

■ Lượng xe tiêu thụ
■ Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)
◆ Doanh thu dịch vụ (tỷ đồng)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT ĐẠT
205 TỶ ĐỒNG,
VƯỢT 58% KẾ HOẠCH

Ngành Dịch vụ Thương mại khác:

* Công ty ComfortDelgro Savico Taxi: Duy trì hoạt động kinh doanh ổn định sau khi chuyển mặt bằng sang địa điểm mới tại Thủ Đức. Tỷ lệ khai thác duy trì trên 90%, hoạt động kinh doanh taxi có nhiều cải thiện về chất lượng phục vụ khách hàng. Tuy nhiên đơn vị vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút tuyển dụng tài xế để nâng cao tỷ lệ đầu xe kinh doanh, đồng thời chịu sự cạnh tranh rất lớn từ sự phát triển của Uber.

* Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM): Hoạt động kinh doanh trong năm 2015 đang phát triển theo hướng tích cực; Tỷ lệ khai thác duy trì ổn định, các khoản chi phí được kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt các khoản chi phí Marketing, chi phí lãi vay giảm mạnh so với năm 2014, góp phần giúp cho hiệu quả tăng cao.

* Công ty cổ phần Ô tô S đã đi vào hoạt động được 1 năm với mục tiêu giúp cho việc mua bán, trao đổi và sử dụng ô tô trở nên dễ dàng, thuận lợi và đáng tin cậy hơn trên nền tảng internet. Các chỉ tiêu hoạt động năm 2015 tăng trưởng theo kế hoạch, lượng khách hàng và truy cập tăng đều qua các tháng. Tuy nhiên, OtoS cần tăng cường đội ngũ nhân sự chất lượng và tận dụng tối đa nguồn lực từ các đơn vị trong toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị.



LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

* Tập trung thực hiện thu hồi vốn đầu tư tại các dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quốc lộ 13...; Chuyển nhượng tòa nhà TTTM Savico Đà Nẵng cho Savico Đà Nẵng tập trung khai thác và quản lý; thi công hoàn thiện tòa nhà 277-279 Lý Tự Trọng và đưa vào hoạt động trong năm 2016.

* Khối Văn phòng, mặt bằng cho thuê: Tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác ổn định, các mặt bằng được đưa vào khai thác 100% với giá được điều chỉnh tăng phù hợp với tình hình thị trường;

* Tìm kiếm đối tác đầu tư cho dự án Mercure Sơn Trà, chuẩn bị phương án khởi công xây dựng dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa trong năm 2016.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

* Trong năm 2015, Công ty tiếp tục tìm kiếm cơ hội để thoái vốn tại các khoản đầu tư kém hiệu quả.

* Trong năm 2015, tổng dòng tiền thu về từ các lĩnh vực đạt hơn 340 tỷ đồng. Đã thực hiện hỗ trợ vốn và bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị trong hệ thống là 74 tỷ đồng, bảo lãnh 20 tỷ đồng, tái bảo lãnh gần 12 triệu đô la Mỹ và 2 tỷ đồng. Chi phí sử dụng vốn bình quân tiếp tục duy trì ở mức thấp (5-6%/năm đối với lãi suất ngắn hạn).



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban điều hành:
Thành viên Ban điều hành của Công ty có một số thay đổi trong năm 2015 như sau:

- * Ông MAI VIỆT HÀ được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (từ ngày 19/1/2015).
- * Ông NGUYỄN BÌNH MINH thôi giữ nhiệm vụ Tổng Giám đốc SAVICO (từ ngày 19/1/2015). Hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SAVICO và là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành - cổ đông lớn của SAVICO.
- * Ông TẠ PHƯỚC ĐẠT thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/1/2015).
- * Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4/4/2015).

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Nhân sự toàn hệ thống Savico đến cuối năm 2015 có tổng cộng 2.616 người, không kể 350 nhân sự lái xe taxi thời vụ. Trong đó lao động trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 70.41% trên tổng số. Trong năm 2015 các đơn vị đã tuyển dụng bổ sung 107 lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc. Lao động mới bố trí làm việc trực tiếp kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật chiếm tỷ lệ 69%. Mục tiêu tuyển dụng tập trung cho nhân sự khối kinh doanh và dịch vụ để gia tăng doanh thu và phát triển mở rộng dịch vụ.



NĂM		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG		1.662	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509	2.616
GIỚI TÍNH	Nữ	304	391	446	494	503	515	581
	Nam	1.358	1.524	1.710	1.854	2.005	1.994	2.035
ĐỘ TUỔI	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	479	1.132	1.132	1.280	1.231	1.251	1.308
	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	287	804	804	836	1.013	1.008	1.059
	Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	135	220	220	232	264	250	249
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	Đại học trở lên	494	535	627	784	786	820	1.053
	Cao đẳng - Trung cấp	296	461	521	588	610	636	789
	THPT	698	735	806	830	1.011	962	522
	THCS	174	184	202	146	101	91	252

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị cống hiến cao nhất trong công việc. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.

Công ty tạo môi trường làm việc thân thiện và hợp tác để mỗi cá nhân phát huy tốt nhất năng lực của mình, phát huy trí tuệ tập thể, định hướng nhân sự phát triển nghề nghiệp dài hạn và gắn bó với Công ty.

Các đơn vị trong hệ thống tích cực thay đổi cơ chế quản lý thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và

xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó trong đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên đóng góp giá trị cho sự nghiệp phát triển của đơn vị.

Công ty khuyến khích tất cả CBNV thi đua sáng kiến cải tiến, từng nhân sự đổi mới để phát triển liên tục theo chiều hướng tốt hơn, nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, khả năng quản trị và năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và nâng tầm theo yêu cầu phát triển của Công ty.

Mỗi nhân viên phải tự giác phấn đấu rèn luyện, không ngừng hoàn thiện bản thân, chia sẻ giúp đỡ đồng nghiệp cùng phát triển, phát huy vai trò cá nhân đồng thời tôn trọng và gắn kết với định hướng phát triển của tập thể, gia tăng giá trị cho Công ty, khách hàng, đối tác và cộng đồng xã hội.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01

01

Ông NGUYỄN BÌNH MINH
Chủ tịch HĐQT



02

02

Ông MAI VIỆT HÀ
Thành viên HĐQT



03

03

Ông ĐOÀN VĂN QUANG
Thành viên HĐQT



04

04

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH
Thành viên HĐQT



06

06

Ông LƯƠNG QUANG HIỂN
Thành viên HĐQT



05

05

Bà NGUYỄN VIỆT HOÀ
Thành viên HĐQT



07

07

Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - KẾ TOÁN TRƯỞNG



01

01

Ông MAI VIỆT HÀ
Tổng giám đốc

02

Ông ĐOÀN VĂN QUANG
Phó tổng giám đốc



02



03

03

Bà NGUYỄN THU NGA
Phó tổng giám đốc

05

Ông NGÔ VĂN DANH
Kế toán trưởng



05



04

04

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH
Phó tổng giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



01

01

Ông NGUYỄN TRƯỜNG BẢO KHÁNH
Trưởng ban



02

02

Ông NGUYỄN THÁI HOÀ
Thành viên



03

03

Ông TRẦN HUY DŨNG
Thành viên



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Lĩnh vực Dịch vụ thương mại:



CÁC ĐƠN VỊ	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
CÁC ĐƠN VỊ TOYOTA	
3S Toyota Bình Thuận	Khai trương 29/10/2015
3S Toyota Lý Thường Kiệt	Hoàn tất M & A vào tháng 7/2015
CÁC ĐƠN VỊ FORD	
3S Bình Dương Ford	Khai trương ngày 22/1/2015
3S Phố Quang Ford	Hoàn tất nâng cấp, khai trương ngày 22/1/2015
CÁC ĐƠN VỊ HYUNDAI	
3S Hyundai Gia Lai	Khai trương ngày 14/3/2015
3S Hyundai Sao Tây Nam	Hoàn tất M & A vào tháng 9/2015
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	
3S Chevrolet Cần Thơ	Xây dựng xong tháng 12/2014. Khai trương ngày 5/2/2015
3S Hino Vĩnh Thịnh	Khai trương ngày 26/12/2015
3S Honda Cần Thơ	Dự kiến khai trương tháng 4/2016
3S Fuso Tây Bắc Sài Gòn	Dự kiến khai trương tháng 4/2016
3S Volvo Bắc Âu	Dự kiến khai trương tháng 9/2016

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Hoàn tất chuyển nhượng và thu hồi vốn tại dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu và dự án Quốc lộ 13.

Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa: Hội đồng Quản trị Công ty đã duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng, chuẩn bị khởi công xây dựng trong năm 2016.

Dự án Mercure Sơn Trà: Chuẩn bị phương án đầu tư và tìm kiếm các đối tác hợp tác để triển khai.

Dự án 104 Phố Quang: Dự án hợp tác với Novaland và Saigon Ford, đã được chấp thuận phê duyệt dự án đầu tư nhà ở và thủ tục giao đất triển khai thực hiện.

Dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng: Đang trong giai đoạn hoàn thiện dự kiến hoàn tất và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2016.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Báo cáo tình hình tài sản, nguồn vốn và lợi nhuận của các công ty con, công ty liên kết năm 2015 (Đvt: VND):

		TỔNG TÀI SẢN	TỔNG NỢ	VỐN CHỦ SỞ HỮU	LN SAU THUẾ
CÔNG TY CON					
1	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	84.460.982.643	1.836.453.446	82.624.529.197	(1.015.428.107)
2	Công ty CP Savico Hà Nội	745.762.011.775	620.551.789.373	101.788.407.219	35.368.074.824
3	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	202.607.499.897	94.199.696.758	108.407.803.139	24.606.821.022
4	Công ty CPDV Sài Gòn Ô tô	404.030.479.582	290.373.627.131	97.231.105.970	21.470.265.907
5	Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ	163.984.958.829	78.365.747.874	85.619.210.955	22.240.030.271
6	Công ty CP Savico Đà Nẵng	235.422.138.935	184.718.797.787	50.703.341.148	10.440.269.876
7	Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	37.923.356.800	173.356.800	37.750.000.000	-
8	Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	54.006.641.269	34.786.137.720	19.220.503.549	(779.496.451)
9	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	64.950.209.370	43.963.062.316	20.987.147.054	5.554.315.787
10	Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	20.959.334.445	5.869.508.979	15.089.825.466	(210.174.534)
11	Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	29.007.073.536	16.859.738.643	12.147.334.893	684.900.079
12	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn	24.507.300.105	14.072.954.764	10.434.345.341	1.701.345.613
13	Công ty CP OtoS	2.193.100.575	189.439.414	2.003.661.161	(3.707.613.376)
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	92.648.243.863	9.065.421.704	83.582.822.159	6.976.246.639
2	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	437.030.507.290	283.891.066.975	153.139.440.315	22.914.663.107
3	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	192.364.454.444	117.417.504.020	74.946.950.424	14.946.307.600
4	Công ty CP Ô Tô Sao Tây Nam	150.548.138.286	125.465.752.575	25.082.385.711	1.032.385.711
5	Công ty CP DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương	90.340.423.544	61.849.399.927	28.491.023.617	(1.560.481.586)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Đvt: Triệu VND		GHI CHÚ
	NĂM 2014	NĂM 2015	
Tổng giá trị tài sản	2.638.603	2.757.662	4,5%
Doanh thu thuần	7.930.242	9.889.942	24,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	100.389	167.816	67,2%
Lợi nhuận khác	18.259	37.571	105,8%
Lợi nhuận trước thuế	118.648	205.387	73,1%
Lợi nhuận sau thuế	87.781	163.276	86,0%
Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ	51.808	103.861	100,5%
Tỷ lệ cổ tức	12%	dự kiến 14%	+

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,88	1,07	Đã cải thiện
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,52	0,57	Đã cải thiện
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,62	Đã cải thiện
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,21	2,10	Đã cải thiện
+ Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,31	0,29	Đã cải thiện
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,01	3,59	Đã cải thiện
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ LNST (*) /Doanh thu thuần	0,7%	1,1%	Đã cải thiện
+ LNST /Vốn chủ sở hữu	6,9%	12,8%	Đã cải thiện
+ LNST /Tổng tài sản	2,0%	3,8%	Đã cải thiện
+ LN từ HĐKD /Doanh thu thuần	1,2%	1,6%	Đã cải thiện

Ghi chú: (*): LNST thuộc cổ đông Công ty mẹ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 04/03/2016)

STT	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	KHỐI LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ NĂM GIỮ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78%	1	1	0
2	HDQT, BGD, BKS, KTT	108.484	0,43%	12	0	12
3	Cổ đông trong nước	6.375.952	25,51%	1.685	54	1.631
4	Cổ đông nước ngoài	8.298.248	33,20%	63	17	46
5	Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08%	1	1	0
	Tổng cộng	24.995.573	100%	1.762	73	1.689

Danh sách cổ đông lớn (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 04/03/2016)

STT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP. HCM	10.192.823	40,78%
2	Jom Silkkitie Investment Fund	Puna Vuorenkatu 2A A 00120 Helsinki, Finland.	2.370.000	9,48%
3	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	2.071.810	8,29%

Thống kê sở hữu của cổ đông nội bộ:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch HDQT	67.900	0,27%
2	Mai Việt Hà	Thành viên HDQT, Tổng giám đốc	7.800	0,03%
3	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HDQT	-	0,00%
4	Nguyễn Công Bình	Thành viên HDQT, Phó Tổng giám đốc	156	0,00%
5	Đoàn Văn Quang	Thành viên HDQT, Phó Tổng giám đốc, Người được UQ CBTT	30.023	0,12%
6	Lương Quang Hiến	Thành viên HDQT	-	0,00%
7	Nguyễn Đức Trọng	Thành viên HDQT	-	0,00%

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
8	Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng BKS	-	0,00%
9	Nguyễn Thái Hòa	Thành viên BKS	-	0,00%
10	Trần Huy Dũng	Thành viên BKS	-	0,00%
11	Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc	2.605	0,01%
12	Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng	-	0,00%

Diễn biến giá đóng cửa và khối lượng giao dịch trong năm 2015:

* Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2015, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.

* Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2015, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.



Thông tin cổ phiếu:

Thống kê cổ phiếu trong năm 2015:

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2015	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 31/12/2014	đồng/ CP	15.000
Giá ngày 31/12/2015	đồng/ CP	41.400
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	43.200
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	15.500
Tổng khối lượng giao dịch	CP	37.943.610
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	152.998
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/15)	tỷ đồng	1.034,8
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/15)	tỷ đồng	808,6
EPS (2015)	đồng/ CP	3.569
P/E (31/12/2015)	lần	11,60
P/B (31/12/2015)	lần	1,28
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/15)	%	33,33%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/15)	%	40,78%

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Savico và các đơn vị trong hệ thống - chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu. Do nguyên vật liệu chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn. Đa số các đơn vị ngành ô tô đang cam kết áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Tại Công ty mẹ, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm.

Giải pháp tiết kiệm nhiên liệu xăng dầu tập trung vào việc quy định định mức tiêu hao nhiên liệu trên từng đầu xe, sử dụng xe đúng quy định, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ xe đúng quy định để tránh tiêu hao nhiên liệu.

Giải pháp tiết kiệm dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm tập trung vào định mức sử dụng, nâng cao ý thức của

cán bộ nhân viên trong việc sử dụng. Riêng về văn phòng phẩm, Công ty thực hiện lưu trữ hệ thống văn bản bằng văn phòng điện tử để thay thế cho giải pháp in ấn, lưu hành và lưu trữ bằng bản cứng.

TIÊU THỤ ĐIỆN, NƯỚC

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ, chúng tôi đề cao việc sử dụng điện nước hợp lý, tiết kiệm thông qua các tiêu chuẩn định mức riêng.

Riêng tại Công ty mẹ, chúng tôi đánh giá cao và có hình thức khen thưởng thích đáng đề tài báo cáo cải tiến liên quan đến giải pháp tiết kiệm chi phí hành chính văn phòng, điện nước. Các giải pháp tiết kiệm của Công ty tập trung vào việc nâng cao ý thức, tinh thần tự giác của của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện nước, thường xuyên kiểm tra và có biện pháp khắc phục ngay các sự cố, cụ thể:

Tiết kiệm điện:

Tắt toàn bộ thiết bị điện khi không có người sử dụng, tắt bớt đèn tại các vị trí nhân viên đã ra ngoài làm việc, khi ra về, chỉ để lại các thiết bị thật cần thiết.

Sử dụng đèn Compact thay thế bóng đèn tròn, bóng huỳnh quang.

Thay mới máy điều hoà có chức năng tiết kiệm điện khi có máy quá cũ bị hư, sử dụng nhiệt độ điều hoà vừa phải, nếu trời quá nóng thì sử dụng thêm quạt điện, đóng cửa phòng khi làm việc, tắt bớt máy điều hoà khi phòng làm việc còn ít người, khuyến khích nhân viên làm hết việc trong giờ làm việc, định kỳ bảo trì bảo dưỡng máy nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thiết lập chế độ tắt màn hình máy tính sau 15 phút không sử dụng.

Tiết kiệm nước:

Tắt vòi nước khi không sử dụng, hạn chế xả nước khi đang làm việc khác.

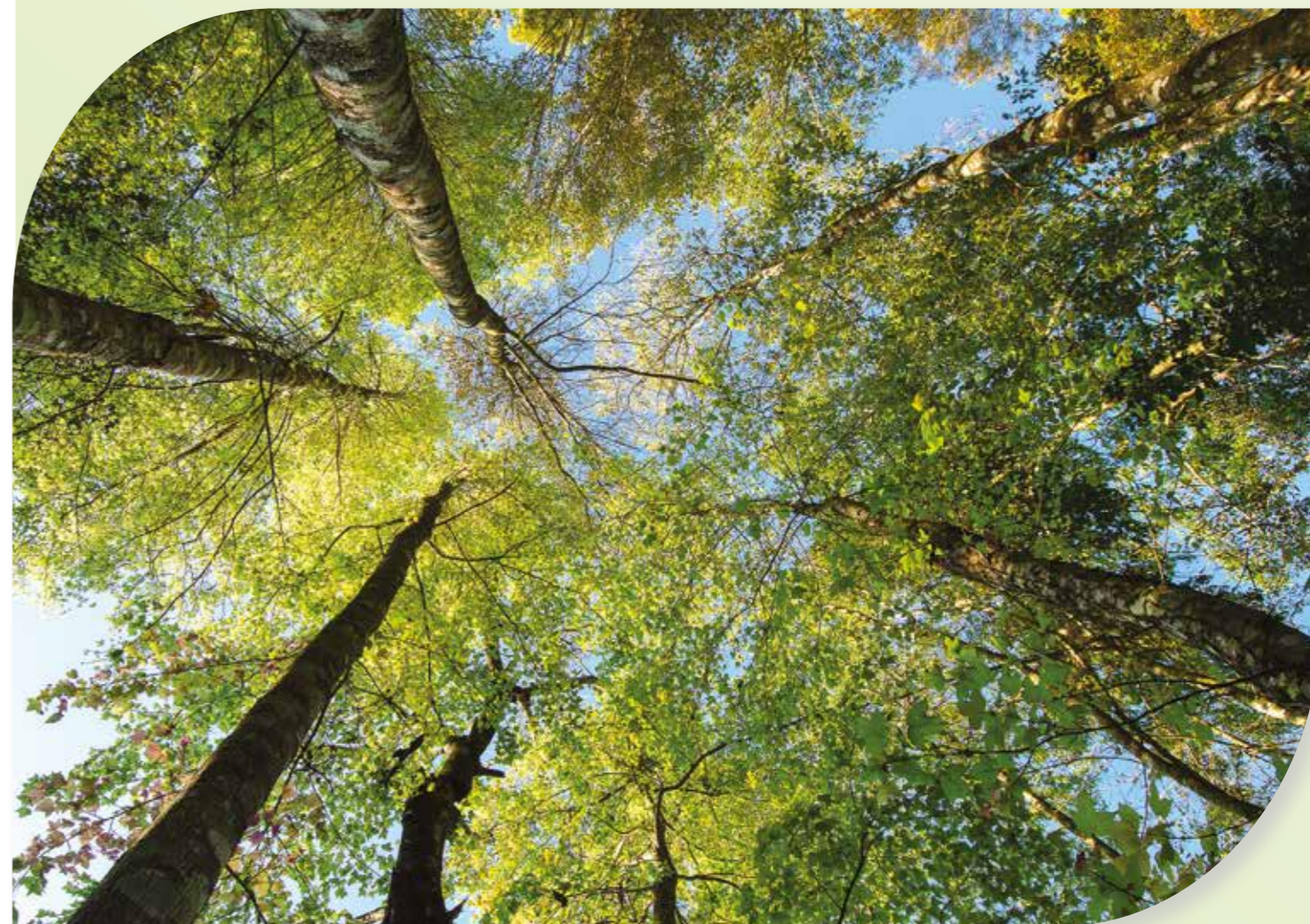
Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống nước, khắc phục ngay tình trạng rò rỉ.

Sử dụng vòi nước có chế độ dòng chảy vừa đủ, thiết bị vệ sinh có chế độ xả nước phù hợp để tiết kiệm nước.

Giữ gìn vệ sinh văn phòng để tiết kiệm nước và chi phí vệ sinh...

Số liệu thống kê về tình trạng tiêu thụ điện nước tại Công ty mẹ và các đơn vị có trụ sở đặt tại văn phòng Công ty mẹ năm 2014 và 2015 của Công ty như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG SỐ	2014		2015	
				BÌNH QUÂN/ NHÂN VIÊN	TỔNG SỐ	BÌNH QUÂN/ NHÂN VIÊN	TỔNG SỐ
1	Tiêu thụ điện	Kwh	163.088	1.690	164.077	1.601	
2	Tiêu thụ nước	m3	1.710	17,7	1.250	12,2	



Qua số liệu thống kê có thể thấy việc áp dụng đề tài cải tiến trong việc tiết kiệm điện nước đã bước đầu có kết quả tích cực. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện xuyên suốt các giải pháp này để tiết kiệm chi phí và giảm áp lực của hệ thống cung cấp điện nước, góp phần gìn giữ và bảo vệ nguồn lực tự nhiên.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Savico và các đơn vị trong hệ thống luôn đề cao ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính sách bảo vệ môi trường, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh dịch vụ ô tô, xe gắn máy trong hệ thống Savico luôn hướng đến việc giảm gánh

nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động của Công ty:

- Cán bộ, nhân viên được phổ biến để tuân thủ các quy định về môi trường áp dụng tại Công ty cũng như nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững ngay từ khi bắt đầu vào làm tại Công ty.
- Giảm thiểu các loại chất thải thông qua các định mức sử dụng nguyên vật liệu hợp lý.
- Phân loại, thu gom triệt để chất thải ngay tại nguồn, lưu giữ chất thải theo quy định của địa phương, luật Môi trường Việt Nam và chỉ chuyển giao cho các công ty/ đơn vị thu gom,

vận chuyển, xử lý có chức năng được pháp luật cho phép.

- Các đơn vị đã đi vào hoạt động thực hiện các chính sách nhằm nâng cấp, cải thiện hệ thống quản lý môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách theo tiêu chuẩn toàn cầu của nhà cung cấp. Các đơn vị được thành lập mới phải thực hiện song song quá trình triển khai dự án với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng môi trường, chú trọng thực hiện đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề và khu vực. Tổng quỹ lương bình quân toàn hệ thống năm 2015 là 25 tỉ đồng/ tháng, thu nhập bình quân đạt 9.5 triệu đồng/người/tháng.

Savico và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ tết Nguyên đán, lễ 30/4, 2/9, kỷ niệm ngày thành lập công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Trong năm 2015, Savico đã tổ chức chương trình huấn luyện team building tạo điều kiện cho CBNV giao lưu gắn kết giữa các đơn vị. Tổ chức thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV công ty. Tổ chức chương trình rèn luyện thể lực mỗi tuần dành cho CBNV.

Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn,... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống

Savico gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Tổ chức khen thưởng và tôn vinh 21 doanh nhân Savico tiêu biểu; 08 CBNV đạt giải thưởng hội thi tay nghề do nhà cung cấp tổ chức năm 2015; Đã đề nghị cấp trên khen thưởng 13 đơn vị/ bộ phận đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Trong các giải pháp liên quan đến người lao động, Công ty đã thí điểm áp dụng văn hoá 5S tại văn phòng Công ty. 5S giải quyết vấn đề tâm lý, cải thiện điều kiện lao động và không khí làm việc trong tập thể, hoàn thiện môi trường làm việc. 5S là một phương pháp cải tiến đơn giản, dễ hiểu, thực hiện dễ dàng và chi phí thực hiện ít tốn kém, nhưng rất hiệu quả trong việc huy động nhân lực và nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và làm giảm lãng phí. 5S bao gồm:

SEIRI - Sàng lọc: Sàng lọc, phân loại và loại bỏ các vật dụng không cần thiết khỏi nơi làm việc.

SEITON - Sắp xếp: Sắp xếp các vật dụng cần thiết theo một trật tự tối ưu sao cho dễ sử dụng.

SEISO - Sạch sẽ: Giữ sạch sẽ nơi làm việc sao cho không có bụi bẩn trên sàn nhà, máy móc thiết bị.

SEIKETSU - Săn sóc, giữ gìn: Duy trì nơi làm việc thật tiện nghi, hiệu quả bằng cách lập lại thường xuyên 3S trên.

SHITSUKE - Săn sàng, kỷ luật: Huấn luyện mọi người có ý thức, thói quen thực hiện các qui định 5S ở nơi làm việc.

Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm 2015, Savico tăng cường qui hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển

khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng từ 2013 đến nay đã có 181 nhân sự được quy hoạch phát triển và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

Về đào tạo nâng cấp nhân sự, Savico hoàn tất tổ chức khóa đào tạo Giám đốc điều hành nâng cao dành cho 35 cán bộ đã được quy hoạch phát triển lãnh đạo; đã cử 39 lượt CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn; Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nâng cấp cho 714 lượt lao động, trong đó, các đơn vị cử đi đào tạo theo chương trình của nhà cung cấp chiếm tỷ lệ 72,3% trên tổng số lượt CBNV được cử đi đào tạo, bao gồm các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ).

Savico và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ Quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty và các đơn vị trong hệ thống.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015 CỦA HỆ THỐNG SAVICO

STT	GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐƠN VỊ ĐẠT GIẢI
1	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam Báo Vietnamnet	Savico (Top 50) Sài Gòn Ford, Toyota Đông Sài Gòn
2	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân Trẻ VN Hội Liên hiệp Thanh niên VN	Savico, Sài Gòn Ford, Toyota Đông Sài Gòn, Toyota Long Biên, Dana Ford, Toyota Cần Thơ
3	Doanh nghiệp TP. HCM Tiêu biểu	Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM	Savico, Sài Gòn Ford, Bến Thành Ford, Toyota Đông Sài Gòn
4	Báo thường niên tốt nhất năm 2015	Sở GD&ĐT TP. HCM Báo đầu tư chứng khoán	Savico (Top 50)

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Song song đó, Savico cùng toàn thể đội ngũ CBNV hệ thống không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động bám sát với chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước:

- Hàng năm, CBNV toàn hệ thống đóng góp 02 ngày lương tham gia vào quỹ xã hội của Tổng công ty Bến Thành để chăm lo cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện xoá nhà dột nát, hỗ trợ người lao động bệnh nan y, chăm lo cho con em người lao động đến trường và đồng bào vùng sâu vùng xa còn nhiều khó khăn.

- Công ty cũng tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo, tham gia đóng góp cho các chương trình vận động cho các hoạt động xã hội, từ thiện, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, bão lụt.

- Đóng góp xây dựng nhà tình thương cho các hộ gia đình chính sách, chăm sóc các đối tượng chính sách, các Mẹ Việt Nam anh hùng.

- Đóng góp cùng chính quyền địa phương chăm lo tết cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các chương trình thiện nguyện như thăm viếng, tặng quà các cháu thiếu nhi cơ nhỡ,...

Tổng số tiền Savico đóng góp cho các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội và hoạt động chăm lo đời sống trong năm 2015 là 1,35 tỷ đồng.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể Savico không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT **9,5** TRIỆU ĐỒNG/ NGƯỜI/ THÁNG





**BÁO CÁO CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LIÊN KẾT CÁC
ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC,
TẠO SỨC MẠNH
CỘNG HƯỞNG**

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế xã hội năm 2015 tiếp tục đà hồi phục với nhiều dấu hiệu tích cực: (1) Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, (2) Hội nhập quốc tế sâu rộng với các FTAs quan trọng, (3) Chính sách tài chính, tiền tệ phù hợp, linh hoạt. Cụ thể, GDP tăng 6,68%, tăng mạnh nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, lạm phát được kiểm chế dưới 5%. Vốn FDI tăng trưởng ổn định, hoạt động xuất khẩu giữ nhịp khả quan. Lãi suất duy trì ở mức thấp... góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.

Cùng với những điều kiện thuận lợi đó, thị trường ô tô tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ; Thị trường bất động sản, tài chính đã có nhiều cải thiện tích cực, tín dụng tăng trưởng mạnh, việc tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn...

Dự báo được tình hình đó, ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, nâng cao công tác dự báo, nắm bắt cơ hội thị trường; Đồng thời, tiếp tục thực hiện kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền, và công tác phòng ngừa rủi ro, thường xuyên đánh giá tình hình kinh doanh nhằm gia tăng hiệu quả tại các doanh nghiệp thành viên.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2015

Các chỉ tiêu kinh doanh



BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	TH so với KH (%)	TH so với 2014 (%)
Doanh thu BH & DV	Trđ	8.500.000	9.898.431	116%	125%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	130.000	205.386	158%	173%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	100.000	163.276	163%	186%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	60.000	103.861	173%	200%
Cổ tức	%	12%	dự kiến 14%	117%	117%

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

Ngành ô tô

Trong bối cảnh thị trường ô tô có nhiều thuận lợi, Savico cùng các đơn vị đã tăng cường công tác dự báo, chủ động trong việc đặt hàng và kiểm soát hàng tồn kho, đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ, mở rộng hệ thống đại lý, nhờ vậy, ngành ô tô đã đạt được những kết quả tốt như:

Lượng xe tiêu thụ - doanh thu bán hàng - hoạt động dịch vụ

Toàn hệ thống ô tô Savico tiêu thụ được 18.990 xe, tăng 32,4% so với năm 2014; Về thị phần, Savico chiếm 8,5% thị phần trong VAMA, giảm 0,7 điểm % so với cùng kỳ. Trong đó chiếm 12,3% thị phần phân khúc xe du lịch trong VAMA, giảm nhẹ so với tỷ lệ 12,7% cùng kỳ.

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt 9.362 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ. Hầu hết các nhãn hiệu ô tô đều duy trì mức tăng trưởng cao so với các năm trước. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ cũng đạt được kết quả rất tốt: doanh thu dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện toàn hệ thống đạt 889 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn hệ thống ô tô (chưa bao gồm phí phân bổ) đạt 126,8 tỷ đồng, tăng 35,7% so với cùng kỳ.

Phát triển mạng lưới:

Nhận ra tiềm năng thị trường xe thương mại, Savico đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội và đưa vào hoạt động đại lý 3S Hino Vĩnh Thịnh tại Bình Dương, triển khai xây dựng đại lý 3S Fuso Tây Bắc Sài Gòn tại Tp Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp tục nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng lưới xe du lịch: 3S Bình Dương Ford, 3S Phổ Quang Ford, 3S Chevrolet Cần Thơ, 3S Hyundai Gia Lai, 3S Toyota Bình Thuận, và thực hiện mua bán sáp nhập các đại lý Toyota Lý Thường Kiệt tại Tp. Hồ Chí Minh, Hyundai Tây Đô tại Cần Thơ.



Bên cạnh đó, Công ty tham gia góp vốn thành lập nhà phân phối độc quyền xe cao cấp Volvo tại Việt Nam; Triển khai xây dựng phát triển đại lý ô tô Honda tại Cần Thơ.

Ngành xe gắn máy

Sau khi hoàn thiện công tác tái cấu trúc, hiệu quả hoạt động của khối các đơn vị xe máy tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Lượng xe tiêu thụ các đơn vị xe gắn máy Savico đạt 8.787 xe, tăng 3% so với cùng kỳ.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 311 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ, đáng chú ý là doanh thu dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện tiếp tục tăng trưởng mạnh.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 5,3 tỷ đồng, tăng gần gấp 3 lần so với cùng kỳ.

Nhóm Dịch vụ thương mại khác

Công ty ComfortDelgro Savico Taxi Trước sự cạnh tranh từ Uber và các doanh nghiệp taxi khác, ComfortDelgro Savico Taxi đã phải

thanh lý một số xe cũ để đầu tư xe mới, nỗ lực duy trì tỷ lệ khai thác đạt trên 90%, qua đó mang lại lợi nhuận gần 7 tỷ đồng.

Công ty CP Ô tô S: Chuyên về thương mại điện tử: tập trung phát triển, hoàn thiện các dịch vụ, thông tin tư vấn, bài viết chuyên ngành ô tô nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng. Các chỉ số hoạt động được cải thiện theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

Trung tâm Tiệc cưới Hội nghị Melisa Center: Ban điều hành Trung tâm đã có những chính sách quyết liệt để hoàn thiện đội ngũ nhân sự, các quy trình hoạt động, nâng cao chất lượng phục vụ, nhờ vậy hoạt động kinh doanh từng bước ổn định, lượng khách hàng đặt tiệc tăng dần qua từng tháng, dự kiến sẽ bắt đầu có hiệu quả từ năm 2016.

Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM): Hoạt động kinh doanh tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, tỷ lệ khai thác trung bình đạt trên 92%, hiệu quả năm 2015 đạt 15,6 tỷ đồng, là năm thứ 2 đạt hiệu quả và bắt đầu có lãi lũy kế.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

Doanh thu năm 2015 đạt hơn 234 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế và phí phân bổ đạt 84 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khôi Văn phòng, mặt bằng cho thuê:

Tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác ổn định, các mặt bằng được đưa vào khai thác 100% với giá được điều chỉnh tăng phù hợp với tình hình thị trường;

Khôi các dự án: Điểm nổi bật của Bất động sản là đã hoàn tất thủ tục pháp lý, chuyển nhượng xong và thu hồi vốn từ một số dự án: dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu, dự án Quốc lộ 13, một phần dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình... Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai:

Dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng:

Đang trong giai đoạn hoàn thiện phần nhôm kính, mặt ngoài tòa nhà và phần nội thất bên trong, dự kiến hoàn tất và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2016.

Dự án Mercure Sơn Trà:

Chuẩn bị các phương án đầu tư và tìm kiếm các đối tác hợp tác để triển khai.

Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa:

Hội đồng Quản trị Công ty đã duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng và Ban dự án đang hoàn thiện phương án đầu tư kinh doanh để trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Dự án 104 Phố Quang:

Dự án hợp tác với Novaland và Saigon Ford, đã được chấp thuận phê duyệt dự án đầu tư nhà ở và thủ tục giao đất triển khai thực hiện.

Hỗ trợ quản lý đầu tư xây dựng và thủ tục pháp lý triển khai dự án Hino Bình Dương, Honda Cần Thơ... Hỗ trợ tìm kiếm mặt bằng để phát triển hệ thống mạng lưới ô tô...



Lĩnh vực Dịch vụ tài chính

Với mục tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn, đáp ứng dòng tiền cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư, Công ty đã thu hồi được hơn 340 tỷ đồng từ các dự án bất động sản và các danh mục đầu tư tài chính, góp phần làm giảm chi phí sử dụng vốn, giảm áp lực tài chính, đảm bảo nguồn vốn kinh doanh, đầu tư và tăng hiệu quả kinh doanh toàn Công ty.

Tiếp tục khẳng định vai trò Công ty mẹ trong công tác hỗ trợ tài chính, kiểm soát dòng vốn ngắn hạn cũng như việc sử dụng đòn bẩy tài chính của các đơn vị trong toàn hệ thống. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư của từng lĩnh vực, đặc biệt tiếp tục rà soát việc sử dụng vốn vay, tránh việc đầu tư sai mục đích gây lãng phí.

Đánh giá hoạt động kinh doanh 2015

Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, đây là nỗ lực rất lớn của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Người đại diện vốn, cán bộ quản lý và người lao động cùng đoàn kết, đồng thuận, chia sẻ và tận dụng tốt cơ hội thị trường.

Những mặt nổi bật:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

- Sản lượng ô tô, doanh thu và lợi nhuận ghi nhận ở mức cao nhất từ trước tới nay.
- Công tác dự báo, phân tích, đánh giá thị trường tiếp tục được tăng cường cùng với việc thu thập và phân tích dữ liệu thị trường, kiểm tra, giám sát hàng hóa tồn kho, chi phí của từng bộ phận, đơn vị được thực hiện linh hoạt, đồng bộ, kết nối và chia sẻ thông tin, tổ chức các buổi hội thảo góp phần tăng cường công tác quản trị theo chiều sâu tại từng đơn vị và trong toàn hệ thống.
- Hệ thống mạng lưới ô tô được mở rộng mạnh mẽ, đã nâng cấp, mua lại và phát triển được 8 đại lý ô tô trong năm 2015, nâng tổng số đại lý ô tô trong toàn hệ thống là 27 đại lý.
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cấu trúc ngành xe gắn máy, góp phần gia tăng hiệu quả các đơn vị. Bên cạnh đó, hiệu quả tại khối Dịch vụ Thương mại khác được cải thiện góp phần nâng cao hiệu quả của Công ty.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Thực hiện thành công một số dự án trọng điểm, góp phần lớn trong việc cân đối dòng tiền và cơ cấu nguồn vốn cho Công ty.

- Tập trung củng cố và gia tăng hoạt động của khối tài sản đang khai thác; Duy trì tỷ lệ khai thác tối đa và điều chỉnh giá thuê các mặt bằng kịp thời theo thị trường.
- Tự đào tạo, nâng cao năng lực quản lý điều hành tại Trung tâm Thương mại lớn và tổ chức kinh doanh có hiệu quả.
- Hỗ trợ có hiệu quả với lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại trong việc tìm kiếm mặt bằng và quản lý đầu tư xây dựng các dự án.

Những hạn chế tồn tại:

- Thị phần ô tô trong toàn hệ thống đang suy giảm. Nguyên nhân do:

- * Savico hiện không tham gia phân phối cho Trường Hải trong khi Thaco có sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2015 dẫn đầu với 38,5% thị phần Vama, tăng tới 90% cùng kỳ.

- * Phân khúc xe thương mại chiếm thị phần cao nhất với 45%, tăng trưởng mạnh nhất với 72% so với cùng kỳ, Savico mới bắt đầu tham gia phân phối xe thương mại; Ngoài ra phân khúc xe cao cấp tăng trưởng mạnh, Savico chưa tham gia phân phối xe cao cấp.

- * Tốc độ phát triển mạng lưới còn chậm, nguồn vốn và nhân lực hiện tại chưa đáp ứng đủ theo nhu cầu mở rộng nhanh của hệ thống.

- * Khó khăn về mặt bằng, chưa tạo mối liên kết chặt chẽ với các đơn vị tại khu vực/vùng miền để tận dụng tối đa sức mạnh của hệ thống trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư, phát triển các đại lý mới. Việc phát triển mạng lưới còn chậm và chưa đồng đều giữa các khu vực, đặc biệt là tại khu vực miền Trung và miền Bắc.

- Hiệu quả khai thác tài sản của lĩnh vực Bất động sản chưa cao; tiến độ

triển khai dự án còn chậm so với mục tiêu đặt ra.

- Chưa phát huy hết nguồn lực tài chính toàn hệ thống.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

SAVICO đã trải qua giai đoạn hoạt động kinh doanh khá khó khăn trong những năm 2011 - 2013 với lợi nhuận có xu hướng suy giảm, vay nợ tăng cao trong điều kiện lãi suất vay vốn tăng liên tục, xuất hiện các tài sản xấu kém khả năng thanh khoản...

Để đứng vững và tiếp tục phát triển trong môi trường kinh doanh không ngừng thay đổi, Công ty đã thực hiện một cách đồng bộ hoạt động tái cơ cấu tài sản, nguồn vốn tại bản thân Công ty mẹ và ở các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cũng như đảm bảo tính an toàn về tài chính.

Đánh giá tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính riêng

Tình hình tài sản, nguồn vốn, vay nợ giai đoạn 2011 - 2015 (đvt: Tỷ VNĐ):

	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Tổng tài sản	1,521.0	1,393.0	1,482.3	1,292.3	1,134.6
TS ngắn hạn	206.8	106.3	187.5	135.8	219.9
Tổng nợ	870.8	738.3	823.3	629.5	463.5
Nợ ngắn hạn	460.1	352.9	461.2	362.7	293.3
Tổng vay nợ	429.4	214.5	252.3	113.5	50.7
Tổng VCSH	650.2	654.7	659.0	662.8	671.1

Bảng một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2011 - 2015:

	2011	2012	2013	2014	2015
Hệ số tự tài trợ	42.7%	47.0%	44.5%	51.3%	59.1%
Tỷ lệ đòn bẩy trên vốn	39.8%	24.7%	27.7%	14.6%	7.0%
ROA	2.4%	3.7%	2.5%	3.0%	4.2%
ROE	5.6%	8.3%	5.4%	6.2%	7.6%

Xác định hoạt động kinh doanh theo mô hình Công ty đầu tư, Công ty đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cũng như các chỉ tiêu về an toàn vốn và cân xứng về thời hạn giữa nguồn vốn tài trợ với tài sản đầu tư.

Công ty xác định, để đạt mức độ an toàn, chỉ tiêu ROA và ROE phải đạt tối thiểu là 5,5% và 10,8% và nâng dần lên các mức tương ứng 6,5% và 14%; Hệ số tự tài trợ (VCSH/TTS) phải đạt tối thiểu 45% và nâng dần lên mức 65%; tỷ lệ đòn bẩy trên vốn (tổng nợ vay/(VCSH + nợ vay)) phải giảm xuống dưới mức 30%.

Thực hiện quản trị theo mục tiêu, Công ty đã từng bước cơ cấu theo

hướng cắt giảm tài sản để tăng hiệu quả sử dụng, đồng thời giảm bớt các khoản nợ - đặc biệt là nợ vay để tăng cường tính an toàn và chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Đến hết năm 2015, chỉ tiêu ROA và ROE của Công ty đã có những cải thiện tích cực. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này vẫn chưa đạt mục tiêu tối thiểu đề ra và Công ty vẫn đang thực hiện tiếp các hoạt động tái cơ cấu tài sản, các khoản đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không vay nợ ròng (vay nợ đến 31/12/2015 là 50,7 tỷ đồng, thấp hơn so với lượng tiền mặt 59,6 tỷ đồng); hệ số tự tài trợ đạt 59%, vượt mức

tối thiểu theo mục tiêu đề ra là 45%. Ngoài tác động tích cực của xu hướng giảm lãi suất vay vốn chung trên thị trường thì nhờ được cơ cấu một cách hợp lý, chi phí lãi vay của Công ty đã được cắt giảm mạnh từ mức 76,5 tỷ đồng của năm 2011 xuống còn 5 tỷ đồng trong năm 2015.

Do không vay nợ ròng và không vay vốn bằng ngoại tệ nên chênh lệch lãi vay và sự biến động của tỷ giá hối đoái hầu như không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện tình hình tài chính tại Công ty mẹ tương đối an toàn và thích hợp để Công ty sẵn sàng nắm bắt các cơ hội, phát triển hoạt động kinh doanh. Việc thực hiện tái cơ cấu tài sản/ nguồn vốn, tăng khả năng tự tài trợ,

Đánh giá tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất

Tình hình tài sản, nguồn vốn, vay nợ giai đoạn 2011 - 2015:

	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Tổng tài sản	2.724,6	2.724,6	2.805,8	2.638,6	2.757,7
TTS ngắn hạn	718,9	718,9	904,4	850,2	1.277,7
Tổng nợ	1.828,1	1.822,2	1.888,3	1.667,2	1.696,5
Nợ ngắn hạn	934,3	908,8	1.080,3	969,3	1.198,8
Tổng vay nợ	948,1	1.004,2	980,5	810,2	790,1
Tổng VCSH (*)	741,0	733,0	741,6	754,6	808,6

Ghi chú: (*) VCSH đã loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số

Bảng một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2011 - 2015:

	2011	2012	2013	2014	2015
Hệ số tự tài trợ	27,2%	26,9%	26,4%	28,6%	29,3%
Tỷ lệ đòn bẩy trên vốn	56,1%	57,8%	56,9%	51,8%	49,4%
ROA	1,8%	1,6%	1,5%	1,9%	3,8%
ROE	6,1%	6,1%	5,6%	6,9%	13,3%
Chỉ tiêu DT/ TTS	2,26	1,99	2,35	3,01	3,59

giảm vốn vay và lãi vay cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn được thực hiện đồng bộ trong hệ thống SAVICO đã mang lại hiệu quả tương đối tích cực.

Mặc dù số lượng và quy mô hoạt động các đơn vị trong hệ thống Công ty không ngừng tăng lên nhưng tổng vay nợ của hệ thống theo Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn nằm trên xu thế giảm, góp phần giảm chi phí lãi vay hợp nhất của hệ thống từ mức đỉnh 150,2 tỷ đồng năm 2012 về mức 52,9 tỷ đồng trong năm 2015. Công ty cũng thực hiện các giải pháp đồng bộ để cải thiện chỉ số về năng lực hoạt động, qua đó, các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn biến động theo xu hướng tích cực dần.

Mặc dù vậy, tổng vay nợ theo số liệu hợp nhất của SAVICO đến 31/12/2015 tuy đã giảm xuống dưới mức 50% so với tổng vốn (VCSH + vốn vay) nhưng xét về con số vẫn còn ở mức cao. Với mức vay nợ bình quân hiện nay, khi lãi suất trên thị trường có sự biến động 1% sẽ làm chi phí lãi vay của Công ty thay đổi gần 8 tỷ đồng, chiếm khoảng 3,8% lợi nhuận trước thuế theo báo cáo hợp nhất 2015 của Công ty.

Hiện nay công ty chưa vay vốn ngoại tệ, nhưng từ năm 2016 do bắt đầu phát triển hoạt động nhập khẩu và phân phối xe, công ty đã sớm lưu ý tới vấn đề rủi ro tỷ giá.

Với diễn biến không ngừng gia tăng về số lượng và các quy mô của các đơn vị trong hệ thống, Công ty đặc biệt đề cao tầm quan trọng của hoạt động quản trị tài chính toàn hệ thống. Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ trong toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản bao gồm tiếp tục tái cơ cấu tài sản, ban hành các quy trình chuẩn hoá về quản lý tài chính; quản lý tiền, hàng; hệ thống định mức tiêu chuẩn liên quan đến hàng tồn kho,

các khoản phải thu phải trả, định mức chi phí.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, hoàn thiện các qui chế quản trị nội bộ, tăng cường công tác quản lý hiệu quả theo mục tiêu... góp phần gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động...

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2016

Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2016 được nhận định tiếp tục có nhiều thuận lợi đan xen với những thách thức. Tốc độ tăng trưởng GDP dự báo tăng khoảng 7%, lạm phát ổn định dưới 5%, mặt bằng lãi suất tăng nhẹ trở lại, tín dụng tăng trưởng; Tuy vậy, biến động kinh tế vĩ mô trên thế giới cùng với việc động lực tăng trưởng thiếu bền vững, chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nợ công tăng cao, dự trữ ngoại hối giảm, ngân sách kém bền vững sẽ ảnh hưởng rất lớn tới các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2016.

Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại: Thị trường ô tô được dự báo tiếp tục tăng trưởng khi các nhà sản xuất đều dự kiến sản lượng sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2015. Tuy vậy nguồn cung đang có xu hướng gia tăng và áp lực cạnh tranh giữa các thương hiệu và đại lý rất lớn, xu hướng lãi gộp bán xe giảm. Bên cạnh đó, cần lưu ý tới tác động của các chính sách thuế: cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt mới, thay đổi về cách tính thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt dự kiến từ 1/7/2016 có thể sẽ ảnh hưởng rất lớn tới thị trường ô tô. Thị trường xe gắn máy dự báo tiếp tục ổn định.



Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: trước làn sóng đầu tư từ các doanh nghiệp FDI và tác động của các hiệp định FTAs, thị trường bất động sản sẽ tiếp tục đà phục hồi trên tất cả các phân khúc. Tuy nhiên, cần lưu ý tới việc tăng trưởng nóng của thị trường sẽ khiến cho các chính sách tín dụng hỗ trợ bị kiểm soát chặt chẽ hơn.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính: mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng nhẹ. Tín dụng tiếp tục tăng trưởng cao so với năm 2015.

Mục tiêu, phương hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2016

Phương hướng, mục tiêu, kế hoạch năm 2016

- Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện chiến lược giai đoạn 2015-2020 của Công ty và các lĩnh vực. Đồng thời, tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

BCTC hợp nhất	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	KH 2016 so với TH 2015 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	9.898.431	11.000.000	111,1%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	205.386	200.000	97,4%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	163.276	160.000	98,0%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	103.861	100.000	96,3%
Cổ tức	%/VDL	Dự kiến 14%	12%	85,7%

- Phát triển 7 đại lý ô tô trong năm 2016. Tiếp tục tập trung các nguồn lực đảm bảo việc phát triển hệ thống Dịch vụ Thương mại song song với việc tìm kiếm các cơ hội mới phát triển lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản, tạo nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tập trung phát triển dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Mercure Sơn Trà.
- Tập trung công tác tuyển dụng, đào tạo, thu hút đội ngũ nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu phát triển của hệ thống, bên cạnh đó, tiếp tục cải tiến chính sách thu nhập và phúc lợi cho người lao động phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty trong xu thế hội nhập.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư quan tâm tới hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty. Đẩy mạnh thực thi văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ,

đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cho giai đoạn mới.

Giải pháp thực hiện

Lĩnh vực Dịch vụ Thương Mại:

- Thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thị trường ô tô - xe máy và các chính sách vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Làm tốt công tác dự báo, nhận định thị trường, phân tích đối thủ cạnh tranh, bám sát diễn biến thị trường và xây dựng các giải pháp, quản trị rủi ro kịp thời.
- Xây dựng, chia sẻ cơ sở dữ liệu nghiên cứu thị trường tại các vùng miền, khu vực; Gắn kết, phối hợp với đơn vị thông qua các chương trình Hội thảo chuyên đề cũng như kế hoạch liên kết với các đơn vị vùng miền trong việc phát triển các đại lý mới.
- Liên kết với các đối tác bên trong và bên ngoài các đơn vị/hệ thống, tăng cường tìm quỹ đất, mặt bằng



chuẩn bị cho việc phát triển dự án, mở rộng hệ thống đại lý, chú trọng tận dụng các cơ hội phát triển tại khu vực miền Trung và miền Bắc.

- Phối hợp, thu hút và đào tạo đội ngũ nhân lực đủ kinh nghiệm, trình độ, năng lực, chuẩn bị nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới. Xây dựng chính sách thu nhập và phúc lợi cạnh tranh.
- Tiếp tục kiểm soát tốt chi phí, xây dựng kế hoạch dòng tiền trong dài hạn, đồng thời nghiên cứu liên kết nội bộ và các đối tác, ngân hàng chiến lược để tăng cường sức mạnh tài chính trong toàn hệ thống.

Tiếp tục cơ cấu lại các cửa hàng xe gắn máy không hiệu quả ngay trong nửa đầu năm 2016, mở rộng các đơn vị có triển vọng phát triển...Hỗ trợ các đơn vị khác đang gặp khó khăn về nguồn vốn, đào tạo nhân sự và kiểm soát chi phí.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Lựa chọn phân khúc đầu tư phù hợp với năng lực, xây dựng lộ trình hoạt động đầu tư phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo chiến lược kinh doanh 2015-2020. Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong năm 2016.

Phối hợp với lĩnh vực Dịch vụ Thương mại trong việc tìm kiếm mặt bằng các showroom, hỗ trợ thủ tục pháp lý và quản lý xây dựng các dự án đầu tư.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài Chính

Xây dựng các phương án huy động vốn phù hợp với mục tiêu Công ty, nghiên cứu liên kết với ngân hàng chiến lược để đảm bảo nguồn vốn hoạt động ổn định với lãi suất ưu đãi trong toàn hệ thống.

Xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng tháng, phân bổ nguồn vốn đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty.

Công tác quản trị

Tiếp tục nâng cao công tác dự báo chung, cập nhật các chính sách có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh

các lĩnh vực và tham mưu có hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh toàn Công ty.

Nâng cao vai trò, năng lực hoạt động của Bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm soát viên tại các đơn vị, song song đó, liên kết với đơn vị, tiến hành đào tạo thực tế cho đội ngũ chuyên viên tại Văn phòng Công ty để đáp ứng theo các mục tiêu quản trị của Công ty.

Tập trung tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, tăng cường tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới dựa trên nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường:

Công ty đã tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường.

Tại văn phòng Công ty, đề tài sáng kiến cải tiến về tiết kiệm năng lượng, điện, nước, nguyên liệu và văn phòng phẩm được công nhận và được triển khai áp dụng đến toàn thể nhân viên. Các đơn vị trong hệ thống cũng thực hiện kiểm soát chặt chẽ vấn đề ô nhiễm môi trường liên quan đến hoạt động của mình. Đặc biệt, các đơn vị được thành lập mới được khuyến khích đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý rác và chất thải ngay từ đầu.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động tại Công ty luôn được quan tâm một cách thích đáng so với những đóng góp mà người lao động mang lại cho Công ty.

Hoạt động thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động tham gia các đề tài sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

Thoả ước lao động tập thể được thực hiện nghiêm túc. Chương trình tổ chức đối thoại giữa Công ty với người lao động đã có nhiều cố gắng và bước đầu được triển khai thực hiện, tạo được sự đồng thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trách nhiệm tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội là một trong 5 tiêu chí về giá trị cốt lõi của Công ty.

Công ty đã có các hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Kinh phí để thực hiện các chương trình hoạt động được trích từ hiệu quả hoạt động của Công ty, từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi và vận động đóng góp từ cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỞ RỘNG CÁC
DÒNG SẢN PHẨM
VÀ PHẦN KHÚC
THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

SAVICO ĐÃ THỰC HIỆN HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN MÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2015 GIAO.

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015 là năm Savico có sự thay đổi nhân sự cấp cao ở các vị trí quản trị, điều hành, kiểm soát và cũng là năm đầu thực hiện kế hoạch chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015- 2020. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Savico đã tập trung, chủ động, nỗ lực kế thừa và phát huy trong mọi hoạt động cũng như tận dụng các cơ hội để tiếp tục phát triển, gia tăng mạng lưới và hiệu quả của chuỗi kinh doanh, dịch vụ nông cốt; thanh lý, sắp xếp

lại những đơn vị kinh doanh không có triển vọng phát triển; cắt giảm các khoản đầu tư bất động sản và tài chính chưa hiệu quả; tăng cường công tác dự báo, phòng ngừa rủi ro; kiểm soát chặt nguồn vốn và dòng tiền.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao:

Kết thúc năm 2015, Savico đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả cụ thể như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	TH SO VỚI KH (%)	TH SO VỚI 2014 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	8.500.000	9.898.431	116%	125%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	130.000	205.386	158%	173%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	100.000	163.276	163%	186%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	60.000	103.861	173%	200%
Cổ tức	%	12%	Dự kiến 14%	117%	117%

Về lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

- Hầu hết các đơn vị ô tô đều duy trì mức tăng trưởng tốt về kinh doanh và dịch vụ, đặc biệt là tại các thương hiệu lớn như Toyota, Ford nên có tác động tích cực tới hiệu quả chung toàn hệ thống; ROE ngành đạt 19% cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.
- Ngành hàng xe gắn máy: lợi nhuận toàn ngành có tăng trưởng tích cực, lợi nhuận gộp trên từng đầu xe duy trì ở mức cao, hoạt động bán xe và dịch vụ tăng trưởng tốt.

- Ngành dịch vụ thương mại khác: Hoạt động kinh doanh duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, góp phần gia tăng hiệu quả chung cho hệ thống.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Hoàn tất công tác pháp lý và thu hồi vốn từ một số dự án trọng điểm, đồng thời cũng đã triển khai công tác đầu tư, hoàn thiện một số dự án trọng điểm khác.
- Tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác

ổn định đối với khối văn phòng, mặt bằng;

- Phối hợp chặt chẽ với lĩnh vực dịch vụ thương mại trong việc phát triển và quản lý đầu tư xây dựng các dự án.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

- Tiến hành kiểm tra, kiểm soát hiệu quả sử dụng đầu tư từng đơn vị, lĩnh vực, đánh giá các chỉ tiêu hoạt động và chỉ tiêu tài chính, thu hồi dòng tiền từ các đơn vị, các dự án

bất động sản và danh mục đầu tư, cắt giảm được một phần dư nợ vay tại các ngân hàng.

- Hỗ trợ vốn cho các đơn vị trong hệ thống, tái bảo lãnh cho các đơn vị trong việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả như nêu trên vẫn còn tồn tại những hạn chế cần phải khắc phục:

- Thị phần ô tô của hệ thống Savico đang có chiều hướng suy giảm do chưa tận dụng tốt nhất các cơ hội để đầu tư vào các phân khúc xe thương mại. Chưa tạo mối liên kết chặt chẽ với các đơn vị tại khu vực/vùng miền để tận dụng tối đa sức mạnh của hệ thống trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư, phát triển các đại lý mới chưa đồng đều tại các khu vực. Tiến độ một số dự án còn chậm.
- Mặc dù đã có chiến lược phát triển nhưng các kế hoạch triển khai cho lĩnh vực Bất động sản trong giai đoạn 2015 - 2020 chưa hoàn thiện.
- Công tác thu hút nhân sự còn hạn chế; công tác đánh giá, đào tạo, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển nhanh của Savico cũng như toàn hệ thống.
- Công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá, phân tích hiệu quả và dự báo tại các đơn vị được tiến hành chủ động, chặt chẽ đáp ứng được yêu cầu quản trị và điều hành nhưng đôi lúc tiến độ thực hiện còn chậm.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thường xuyên chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Theo đó,

Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Ban Tổng giám đốc và Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp trong hệ thống đã thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Từ đó, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Tổng giám đốc và Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp trong hệ thống thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để Hội đồng quản trị có các chỉ đạo, giải pháp kịp thời và hiệu quả.
- Ban Tổng giám đốc và Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp trong hệ thống đã phối hợp triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc và Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp cũng đã thực hiện việc thu cổ tức từ các đơn vị, vốn hoá và hoàn tất các vấn đề pháp lý của các dự án bất động sản nên đã thu hồi được dòng tiền, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh.
- Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo và phân công bộ phận Kiểm soát nội bộ kiểm tra thường xuyên và đột xuất hoạt động, công tác tài chính kế toán, tính tuân thủ tại Savico và các đơn vị trong hệ thống. Qua đó phân tích, đánh giá rủi ro, đề xuất các giải pháp cụ thể để phòng ngừa rủi ro, đáp ứng được các yêu cầu về quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá năng suất lao động KPI để áp dụng trong

năm 2016 nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh.

- Các hoạt động tài chính từng bước được thực hiện một cách hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả khi Ban Tổng giám đốc triển khai áp dụng triệt để Quy chế quản lý tài chính trong mọi hoạt động của Savico.
- Ban Tổng giám đốc cũng đã chỉ đạo các bộ phận cung cấp đầy đủ và báo cáo chi tiết các thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát để Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được Ban Tổng giám đốc ghi nhận và lưu ý cho các hoạt động điều hành của mình.
- Trong nửa đầu năm 2015, Ban Tổng giám đốc chưa tích cực chủ động và phối hợp với Người đại diện vốn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện đầu tư xây dựng các đại lý ô tô dẫn đến việc tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm. Tuy nhiên, vấn đề này đã được khắc phục từ giữa năm 2015.
- Ban Tổng giám đốc cũng chưa xây dựng, đề xuất được nhiều chính sách, chương trình nhằm thu hút nguồn nhân sự để đáp ứng kịp nhu cầu phát triển nhanh của Savico cũng như toàn hệ thống.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước sang năm 2016, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ở mức cao khi GDP ước đạt gần 7%, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tỉ giá được điều hành linh hoạt và hợp lý; thị trường ô tô cũng sẽ tăng trưởng nhưng do ảnh hưởng bởi chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng từ 1/1/2016 cũng như chính sách giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập khu vực ASEAN nên dự báo mức độ tăng trưởng sẽ không bằng năm 2015, thị trường bất động sản sẽ tiếp tục phục hồi nhờ những điều kiện kinh tế đã được cải thiện. Song, năm 2016 Việt Nam cũng sẽ chính thức hội nhập với khu vực và thế giới thông qua một số hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, trong đó nổi bật nhất là Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương, nên môi trường kinh doanh sẽ ngày càng phức tạp và cạnh tranh gay gắt hơn, lãi suất sẽ tăng. Do vậy, Hội đồng quản trị đề ra những định hướng như sau:

- Tiếp tục phát triển, mở rộng mạng lưới, đa dạng sản phẩm, chất lượng và hiệu quả của chuỗi kinh doanh, dịch vụ của lĩnh vực dịch vụ thương mại theo định hướng, chiến lược giai đoạn 2015 - 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông 2015 thông qua.
- Đối với lĩnh vực bất động sản cần nhanh chóng, tận dụng cơ hội thị trường để phát triển các dự án mới, đẩy nhanh việc đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm để tạo nên tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Savico và hệ thống.
- Nâng cao vai trò quản trị tài chính đối với từng đơn vị và cả hệ thống, tăng cường liên kết với ngân hàng chiến lược để đảm bảo và đáp ứng kịp thời nguồn vốn với các điều kiện tối ưu cho hoạt động kinh doanh, đầu tư của các đơn vị trong hệ thống.
- Nâng cao vai trò, năng lực và hoạt động kiểm soát, phòng ngừa rủi ro tại các đơn vị; sắp xếp lại đội ngũ Người đại diện vốn, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định có liên

quan nhằm đáp ứng theo các mục tiêu, yêu cầu quản trị, điều hành của đơn vị và cả hệ thống.

- Phối hợp tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; xây dựng mục tiêu đào tạo, lộ trình phát triển nhân sự; xây dựng hệ thống các chính sách nhằm tạo động lực để nhân sự phát huy năng lực, thu hút và duy trì nhân sự, đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của hệ thống. Đẩy mạnh thực thi văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, phối hợp với các đơn vị thành viên xây dựng chính sách phát triển thương hiệu Savico. Tăng cường quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư, đối tác có chiến lược kinh doanh phù hợp với Savico, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cho giai đoạn mới.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 do Ban Tổng giám đốc đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 xem xét thông qua như sau:

BCTC hợp nhất	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	KH 2016 so với TH 2015 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	9.898.431	11.000.000	111,1%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	205.386	200.000	97,4%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	163.276	160.000	98,0%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	103.861	100.000	96,3%
Cổ tức	%/VĐL	Dự kiến 14%	12%	85,7%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY:

Hội đồng Quản trị:

1. Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 13/02/1972

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Tổng Giám đốc Tổng C. Ty Bến Thành

- Chủ tịch HĐQT CTCP Savico Đà Nẵng

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Hà Nội

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn

2. Ông MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 18/02/1973

Nơi sinh: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 C/c Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

- Phó Chủ tịch HĐQT CTLD Toyota Giải Phóng

- Thành viên HĐQT CTCP Sài Gòn Ô tô

- Thành viên HĐQT CTCP Savico Đà Nẵng

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt

3. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 20/10/1971

Nơi sinh: Bình Định

Địa chỉ thường trú: 326/16 Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.

- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH TMDV Sài Gòn.

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Vĩnh Thịnh.

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Tây Bắc Sài Gòn.

4. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc.

Ngày sinh: 31/03/1978

Nơi sinh: TP. HCM

Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, C/c Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q. 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà

- Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Sài Gòn Cửu Long

- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Savico Hà Nội

- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Toyota Đông Sài Gòn

5. Bà NGUYỄN VIỆT HOÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 12/05/1975

Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú: 32/107 Bùi Đình Túy, P.12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Tổng giám đốc Tổng Công Ty Bến Thành

7. Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 16/12/1972

Nơi sinh: Đà Lạt, Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 28 đường số 5, Khu dân cư Him Lam, Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Tài chính

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám đốc Tư vấn Tài chính tại CTCP Chứng khoán Tp. HCM

Ban Tổng giám đốc
- Kế toán trưởng:

1. Ông MAI VIỆT HÀ

2. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

3. Bà NGUYỄN THU ANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Ngày sinh: 02/10/1974

Nơi sinh: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 51 Mỹ Văn, khu phố 6, Q. 7, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: không có

4. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

5. Ông NGÔ VĂN DANH

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ngày sinh: 27/12/1975

Nơi sinh: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 159/74/52 Trần Văn Đăng, Q. 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái.

Ban kiểm soát:

1. Ông NGUYỄN TRƯỜNG BẢO KHÁNH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 27/10/1986

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 146D Hồng Bàng, P.12, Quận 5, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng phòng Tài chính kế hoạch Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận

2. Ông NGUYỄN THÁI HOÀ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 08/06/1980

Nơi sinh: TP. HCM

Địa chỉ thường trú: 10/5 Khu phố 7, Huỳnh Tấn Phát, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật - chuyên ngành Kinh tế.

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Sài Gòn Ô tô

- Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Savico Đà Nẵng

- Kiểm Soát Viên Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi

3. Ông TRẦN HUY DŨNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 01/11/1986

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: 467/8/7A, Khu phố 16, đường Tân Sơn, P. 12, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành kiểm toán.

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dịch vụ Ô tô Thành phố mới Bình Dương.

- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Toyota Đông Sài Gòn.

- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Savico Hà Nội.

- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Toyota Long Biên.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp và trưng cầu xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản (41 lần), qua đó ban hành 78 quyết định và 37 thông báo liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:

* 18 quyết định về lĩnh vực dịch vụ thương mại;

* 12 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ bất động sản;

* 9 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính;

* 27 quyết định về nhân sự;

* 12 quyết định về một số vấn đề khác;

* 37 thông báo chỉ đạo về các nội dung liên quan đến hoạt động của Savico.

- Thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất hay khi có văn bản xin ý kiến của Ban Tổng giám đốc và các Người đại diện vốn tại các đơn vị, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi, chất vấn các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các chỉ đạo, kết

l luận được ban hành sớm để Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác kịp thời thực hiện, đồng thời việc theo dõi tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện cũng được tiến hành thường xuyên và liên tục.

- Các thành viên của Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với thành phần mở rộng gồm cả Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác. Đây cũng là dịp để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trao đổi, bàn bạc thấu đáo và cởi mở các vấn đề liên quan. Những ý kiến đóng góp, đề xuất của các thành viên tham dự họp đều mang tính xây dựng, cầu thị với mục tiêu tìm ra những giải pháp quản trị và điều hành kịp thời, phù hợp và hiệu quả nhất.

- Hội đồng quản trị cũng đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát chặt chẽ, sát sao tình hình kinh doanh, tính tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác có liên quan trong quá trình quản trị, điều hành Savico và các đơn vị trong hệ thống. Qua đó, hoạt động kinh doanh của hệ thống luôn được duy trì ổn định, an toàn và hiệu quả.

- Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được duy trì theo mức tiết kiệm và hợp lý.

- Hoạt động của một số Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị chưa được tích cực nên chưa phát huy tốt vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty thể hiện tích cực vai trò của mình trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị cũng như qua việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng để thông qua các quyết định quan trọng của Công ty.

- Trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các thành viên độc lập đều tham gia đầy đủ hoặc có ủy quyền cho thành viên khác trong trường hợp bận việc không tham gia họp được. Trong đó: 1 thành viên tham gia đủ 5/5 buổi họp định kỳ, 1 thành viên tham gia 3/5 buổi họp định kỳ và có ủy quyền 2/5 buổi họp.



Thông tin về nội dung các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại		
-	15/QĐ-HĐQT-SVC	26/03/2015	Quyết định về việc phê duyệt giá chuyển nhượng phần vốn góp của Savico tại Công ty TNHH Đông Đô Thành.
-	15A/QĐ-HĐQT-SVC	31/03/2015	Quyết định về việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ Công ty CP OTOS.
-	33/QĐ-HĐQT-SVC 67/QĐ-HĐQT-SVC 72/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015 02/11/2015 30/11/2015	Quyết định về việc thành lập Công ty CP Nam Sông Hậu, điều chỉnh phương án đầu tư theo tiêu chuẩn 5S tại Cần Thơ và điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của Savico.
-	36/QĐ-HĐQT-SVC 39/QĐ-HĐQT-SVC	21/05/2015 08/06/2015	Quyết định về việc thành lập Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh.
-	38/QĐ-HĐQT-SVC 75/QĐ-HĐQT-SVC	01/06/2015 25/12/2015	Quyết định về việc thành lập Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn và phê duyệt phương án đầu tư đại lý 3S xe tải Fuso của Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn.
-	42/QĐ-HĐQT-SVC	10/06/2015	Quyết định về việc góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.
-	43/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc đồng ý thoái vốn của Sài Gòn Ford tại Công ty CP đầu tư nhà Sài Gòn.
-	58/QĐ-HĐQT-SVC	12/08/2015	Quyết định về việc thành lập Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam.
-	64/QĐ-HĐQT-SVC	22/09/2015	Quyết định về việc thành lập Chi nhánh Savico tại Thành phố Cần Thơ.
-	69/QĐ-HĐQT-SVC	06/11/2015	Quyết định về việc thành lập Công ty CP Ô tô Bắc Âu.
-	74/QĐ-HĐQT-SVC	21/12/2015	Quyết định về việc chấp thuận bảo lãnh vay vốn cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Bến Thành.
-	76/QĐ-HĐQT-SVC	28/12/2015	Quyết định về việc thành lập Chi nhánh Savico tại Kiosque Tân Định - Chợ Tân Định.
-	77/QĐ-HĐQT-SVC	28/12/2015	Quyết định về việc thành lập Chi nhánh Savico tại sạp 1394 Chợ Bến Thành.
-	78/QĐ-HĐQT-SVC	28/12/2015	Quyết định về việc thành lập Chi nhánh Savico tại Kiosque số 2 cửa Tây Chợ Bến Thành.
2	Lĩnh vực Dịch vụ - Bất Động Sản		
-	01/QĐ-HĐQT-SVC	08/01/2015	Quyết định về việc chuyển nhượng Toà nhà trung tâm thương mại Savico Đà Nẵng.
-	02/QĐ-HĐQT-SVC	10/01/2015	Quyết định về việc phê duyệt phương án hợp tác đầu tư dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. HCM.
-	12/QĐ-HĐQT-SVC	26/03/2015	Quyết định về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. HCM.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
-	13/QĐ-HĐQT-SVC	26/03/2015	Quyết định về việc hỗ trợ Công ty Phú Mỹ sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Quốc Lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
-	18/QĐ-HĐQT-SVC	26/03/2015	Quyết định về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để phát triển dự án tại Cần Thơ.
-	32/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán và kế hoạch đấu thầu gói thầu phần thân hoàn thiện dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng, Quận 1.
-	37/QĐ-HĐQT-SVC	01/06/2015	Quyết định về việc chấp thuận điều chỉnh giá trị hợp tác tại dự án 104 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM.
-	40/QĐ-HĐQT-SVC	09/06/2015	Quyết định về việc tái bảo lãnh vay vốn trung hạn cho Công ty CP sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu Tân Bình.
-	41/QĐ-HĐQT-SVC	10/06/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào giá thang máy dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp.HCM.
-	55/QĐ-HĐQT-SVC	29/07/2015	Quyết định về việc chọn đơn vị trúng thầu thi công gói thầu phần thân hoàn thiện và hệ thống cơ điện dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp.HCM.
-	70/QĐ-HĐQT-SVC	06/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào giá thang nâng ô tô và máy phát điện dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp.HCM.
-	71/QĐ-HĐQT-SVC	30/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào giá trạm biến áp dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp.HCM.
3	Lĩnh vực Tài chính		
-	06/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Savico.
-	14/QĐ-HĐQT-SVC	26/03/2015	Quyết định về việc kết toán trước hạn đối với khoản vay 85 tỷ đồng tại Ngân hàng Indovina.
-	34/QĐ-HĐQT-SVC	13/05/2015	Quyết định về việc bảo lãnh vay vốn cho Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng.
-	35/QĐ-HĐQT-SVC	13/05/2015	Quyết định về việc bảo lãnh vay vốn cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ.
-	53/QĐ-HĐQT-SVC	15/07/2015	Quyết định về việc chấp thuận chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.
-	56/QĐ-HĐQT-SVC	29/07/2015	Quyết định về việc mua lại cổ phần của Ông Nguyễn Đình Ngôn tại Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.
-	61/QĐ-HĐQT-SVC	21/08/2015	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng ngoại thương Chi nhánh Tp.HCM.
-	62/QĐ-HĐQT-SVC	21/08/2015	Quyết định về việc hỗ trợ tài chính cho Trung tâm hội nghị tiệc cưới Melisa Center.
-	63/QĐ-HĐQT-SVC	07/09/2015	Quyết định về việc thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014.
-	66/QĐ-HĐQT-SVC	23/10/2015	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng Eximbank Quận 4.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
4	Nhân Sự		
-	03/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Savico đối với Ông Tạ Phước Đạt.
-	04/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc thôi giữ nhiệm vụ Tổng giám đốc điều hành và người đại diện pháp luật đối với Ông Nguyễn Bình Minh.
-	05/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành đối với Ông Mai Việt Hà.
-	07/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Bình Minh sang Ông Mai Việt Hà.
-	16/QĐ-HĐQT-SVC	04/04/2015	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Công Bình.
-	20/QĐ-HĐQT-SVC	10/04/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn.
-	21/QĐ-HĐQT-SVC	10/04/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.
-	22/QĐ-HĐQT-SVC	10/04/2015	Quyết định về việc thôi giữ nhiệm vụ cán bộ đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH Đông Đô Thành.
-	23/QĐ-HĐQT-SVC	20/04/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Bến Thành Ô tô.
-	24/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Savico Hà Nội.
-	25/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Savico Đà Nẵng.
-	26/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành đối với Ông Mai Việt Hà.
-	27/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Võ Hiến.
-	28/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Công Bình.
-	29/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Đoàn Văn Quang.
-	30/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Bà Nguyễn Thu Nga.
-	31/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2015	Quyết định về việc tái bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với Ông Ngô Văn Danh.
-	44/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà.
-	45/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP OTOS.
-	46/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Dịch vụ Ô tô Thành phố mới Bình Dương.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
-	47/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long.
-	48/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH Toyota Cần Thơ.
-	49/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô.
-	50/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH Toyota Giải Phóng.
-	51/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH TMDV tổng hợp Savico MeKong.
-	52/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại C.ty CP Việt Thái.
-	54/QĐ-HĐQT-SVC	23/06/2015	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi.
-	73/QĐ-HĐQT-SVC	09/12/2015	Quyết định về việc thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Savico đối với Ông Võ Hiến.
5	Khác		
-	03A/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc thanh lý hợp đồng lao động đối với Ông Tạ Phước Đạt.
-	04A/QĐ-HĐQT-SVC	19/01/2015	Quyết định về việc thanh lý hợp đồng lao động đối với Ông Nguyễn Bình Minh.
-	08/QĐ-HĐQT-SVC	06/02/2015	Quyết định về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2015.
-	09/QĐ-HĐQT-SVC	25/02/2015	Quyết định về việc xếp lương cấp bậc công việc đối với CBQL cấp cao - Ông Mai Việt Hà.
-	10/QĐ-HĐQT-SVC	04/03/2015	Quyết định về việc chấp thuận giải thể chi nhánh Savico Đà Nẵng.
-	11/QĐ-HĐQT-SVC	16/03/2015	Quyết định về việc giải thể Công ty TNHH TMDV tổng hợp Savico MeKong.
-	17/QĐ-HĐQT-SVC	04/04/2015	Quyết định về việc thông qua kế hoạch tiền lương năm 2015.
-	19/QĐ-HĐQT-SVC	10/04/2015	Quyết định về việc xếp lương cấp bậc công việc cho CBQL cấp cao.
-	57/QĐ-HĐQT-SVC	29/07/2015	Quyết định về việc mua sắm và thanh lý tài sản.
-	59/QĐ-HĐQT-SVC	13/08/2015	Quyết định về việc nâng lương cấp bậc công việc cho CBQL cấp cao.
-	60/QĐ-HĐQT-SVC	21/08/2015	Quyết định về việc ban hành qui chế lương thưởng Savico.
-	65/QĐ-HĐQT-SVC	16/10/2015	Quyết định về việc chấp thuận chủ trương xoá nợ để hoàn tất các thủ tục giải thể Công ty TNHH TMDV tổng hợp Savico MeKong.

Đào tạo về quản trị công ty:

tất cả các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều có trình độ chuyên môn về quản trị kinh doanh, tài chính hoặc kế toán kiểm toán. Trong năm 2015, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành trực tiếp tại Công ty, tùy theo nhiệm vụ trực tiếp của mình đã tham gia thêm các khóa học về CEO nâng cao, M&A chuyên đề đầu tư và chống đầu tư, đào tạo chuyên sâu về nâng cao năng lực kiểm soát tài chính và khả năng tiếp cận nguồn tài chính quốc tế do các tổ chức uy tín trong và ngoài nước tổ chức hoặc các buổi hội thảo do UBCKNN tổ chức.

3. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2015 - 2020) đã tổ chức 04 kỳ họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện bầu Trưởng Ban Kiểm soát và phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát.
- Thông qua báo cáo rà soát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty 06 tháng và cả năm 2015.
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát trình bày tại Đại hội đồng thường niên 2016.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh 6 tháng và cả năm 2015 của Savico. Cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 về việc phân chia cổ tức, ban hành nghị quyết,...
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận.
- Giám sát các khoản đầu tư tài chính, tư vấn cho Hội đồng quản trị ý kiến chuyên môn để các khoản đầu tư mang lại hiệu suất lợi nhuận cao nhất, ít tính rủi ro nhất.
- Giám sát các hoạt động kinh doanh lĩnh vực bất động sản của công ty mẹ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 6 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định các giao dịch

trọng yếu của Công ty với các bên liên quan.

Nhận xét và đánh giá:

- Hội đồng quản trị đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Bằng những hoạt động liên tục và thường xuyên, Ban Kiểm soát không nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án, hoạt động tài chính của Công ty trong suốt năm 2015.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ các Phòng/Ban chức năng Công ty.

Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ các Phòng/Ban chức năng Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

**4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT****Lương, thù lao và công tác phí:**

	2015 VND	2014 VND	2013 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.620.000.000	2.744.680.000	2.626.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.962.000.000	1.305.400.000	790.000.000
Ban Kiểm soát	356.020.000	112.500.000	112.500.000
	3.938.020.000	4.162.580.000	3.529.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty trong năm 2015 và tiến hành rà soát các vấn đề phát sinh theo quy định mới của pháp luật để trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thực hiện sửa đổi, bổ sung trong năm 2016 cho phù hợp với quy định.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TĂNG TRƯỞNG
TRONG THAY ĐỔI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THÔNG TIN CÔNG TY

Quyết định số

3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép kinh doanh

4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
------------	---------------------------

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Vinh Thọ	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2016)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Trưởng ban (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Trần Huy Dũng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 15-01-378



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch DT: +84 (8) 3821 9266
Tầng 10, tòa nhà Sun Wah, Fax: +84 (8) 3821 9267
115 Nguyễn Huệ, Q.1, kpmg.com.vn
TP.HCM, Việt Nam.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 01 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND PHÂN LOẠI LAI
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		219.927.843.281	135.846.105.916
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	59.633.992.414	46.270.712.230
Tiền	111		4.633.992.414	7.270.712.230
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	39.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7(a)	39.752.240.593	47.805.076.136
Chứng khoán kinh doanh	121		55.598.086.912	63.588.156.490
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15.845.846.319)	(15.783.080.354)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.839.359.050	20.223.309.364
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.293.473.970	3.164.580.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.429.441.506	1.758.913.006
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	40.116.443.574	15.299.815.865
Hàng tồn kho	140	10	77.468.908.522	20.774.995.892
Hàng tồn kho	141		99.444.483.183	20.774.995.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.975.574.661)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		233.342.702	772.012.294
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		233.342.702	427.059.160
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	344.953.134
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		914.662.797.104	1.156.471.166.539
Các khoản phải thu dài hạn	210		189.244.305.575	195.852.497.359
Phải thu về cho vay dài hạn	215		72.000.000.000	77.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	119.074.812.815	118.852.497.359
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.830.507.240)	-
Tài sản cố định	220		54.097.975.075	52.855.113.734
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.756.213.171	3.059.124.031
Nguyên giá	222		13.500.067.407	11.501.897.061
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.743.854.236)	(8.442.773.030)
Tài sản cố định vô hình	227	12	49.341.761.904	49.795.989.703
Nguyên giá	228		54.721.011.809	54.371.011.809
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.379.249.905)	(4.575.022.106)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TT)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 01 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND PHÂN LOẠI LẠI
Bất động sản đầu tư	230	13	170.916.009.617	172.665.657.525
Nguyên giá	231		218.141.983.365	225.388.783.099
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.225.973.748)	(52.723.125.574)
Tài sản dở dang dài hạn	240		77.531.507.069	344.021.953.708
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	77.531.507.069	344.021.953.708
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	420.969.009.769	388.492.332.645
Đầu tư vào công ty con	251		328.022.971.814	260.884.906.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		97.958.709.000	57.358.709.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	82.850.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.012.671.045)	(12.601.283.169)
Tài sản dài hạn khác	260		1.903.989.999	2.583.611.568
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.903.989.999	2.583.611.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.134.590.640.385	1.292.317.272.455
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		463.521.721.326	629.546.778.991
Nợ ngắn hạn	310		293.338.606.240	364.050.078.788
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.711.069.757	6.798.914.377
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.547.215.183	10.549.668.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12.435.385.001	12.703.917.195
Phải trả người lao động	314		18.248.557.067	25.728.914.439
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.346.547.839	9.473.933.109
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18(a)	1.243.818.186	1.393.350.004
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	185.973.949.211	274.300.048.742
Vay ngắn hạn	320	20(a)	44.614.321.142	18.123.418.970
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	10.217.742.854	4.977.913.102
Nợ dài hạn	330		170.183.115.086	265.496.700.203
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18(b)	50.833.333.300	52.053.333.304

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND PHÂN LOẠI LẠI
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	113.226.399.896	118.097.470.509
Vay dài hạn	338	20(b)	6.123.381.890	95.345.896.390
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		671.068.919.059	662.770.493.464
Vốn chủ sở hữu	410	22	671.068.919.059	662.770.493.464
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	22	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.800.501.308	71.502.075.713
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.134.590.640.385	1.292.317.272.455

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập

Người duyệt



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 02 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	248.150.585.519	283.707.766.113
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	(322.700.000)	(861.272.047)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	27	247.827.885.519	282.846.494.066
Giá vốn hàng bán	11	28	(283.459.238.678)	(215.013.653.650)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		(35.631.353.159)	67.832.840.416
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	137.137.991.312	36.739.031.854
Chi phí tài chính	22	30	(2.183.102.042)	(10.797.466.902)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(5.035.345.267)	(14.569.056.931)
Chi phí bán hàng	25		(1.611.560.737)	(783.063.447)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(34.603.210.084)	(32.407.885.388)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		63.108.765.290	60.583.456.533
Thu nhập khác	31	32	1.261.651.527	7.313.550.426
Chi phí khác	32	33	(2.605.817.506)	(16.771.711.295)
Lỗ khác (40 = 31 + 32)	40		(1.344.165.979)	(9.458.160.869)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.764.599.311	51.125.295.664
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	(10.095.554.219)	(10.176.710.311)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(679.621.569)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		50.989.423.523	40.948.585.353

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập

Người duyệt



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Phương pháp gián tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 03 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		61.764.599.311	51.125.295.664
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.363.371.972	7.876.540.047
Các khoản dự phòng	03		18.747.469.777	(10.658.967.151)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		(106.131.884.900)	8.650.300.263
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(416.183.787)	-
Lỗ do xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	245.616.673
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(20.228.433.201)	(26.736.132.379)
Chi phí lãi vay	06		5.035.345.267	14.569.056.931
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(33.865.715.561)	45.071.710.048
Biến động các khoản phải thu	09		11.755.354.450	91.626.846.383
Biến động hàng tồn kho	10		221.147.580.546	190.717.371.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		14.492.823.599	(45.569.926.962)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		8.052.835.543	(5.131.774.775)
			221.582.878.577	276.714.225.892
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.385.829.344)	(27.088.824.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.510.178.944)	(12.023.671.308)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.480.559.776)	(5.469.712.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.206.310.513	232.132.017.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Phương pháp gián tiếp) (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 03 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.738.487.135)	(29.842.656.698)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	22		33.812.900.000	6.040.500.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		610.123.183	1.474.011.286
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(114.668.065.000)	(46.627.938.449)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty liên kết	26		-	734.199.983
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		20.418.433.201	27.176.384.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.565.095.751)	(41.045.499.511)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		38.926.159.782	203.340.105.439
Tiền trả nợ gốc vay	34		(101.657.772.110)	(342.186.157.171)
Tiền trả cổ tức	36		(29.546.322.250)	(30.485.248.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.277.934.578)	(169.331.300.562)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		13.363.280.184	21.755.217.281
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		46.270.712.230	24.515.494.949
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	59.633.992.414	46.270.712.230

Người lập
Ngày 21 tháng 3 năm 2016



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THÔNG TIN CÔNG TY**

Quyết định số	
3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép kinh doanh	
4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội Đồng Quản Trị	
Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Vinh Thọ	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám Đốc	
Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2016)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

Ban Kiểm Soát	
Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Trưởng ban (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Trần Huy Dũng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)

Trụ sở đăng ký
68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 66 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và;
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 15-01-378



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

KPMG KPMG Limited Branch DT: +84 (8) 3821 9266
Tầng 10, tòa nhà Sun Wah, Fax: +84 (8) 3821 9267
115 Nguyễn Huệ, Q.1, kpmg.com.vn
TP.HCM, Việt Nam.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 01 – DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Phải trả người lao động	314		67.574.953.756	65.789.300.868
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	38.730.282.536	27.002.005.743
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19(a)	19.005.530.415	23.286.943.422
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	172.521.100.305	260.150.829.400
Vay ngắn hạn	320	21(a)	541.683.661.130	413.133.029.920
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	15.839.027.240	8.892.029.754
Nợ dài hạn	330		497.703.243.891	681.583.667.650
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19(b)	96.786.400.000	111.200.382.133
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	152.512.486.762	173.309.910.091
Vay dài hạn	338	21(b)	248.404.357.129	397.073.375.426
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.061.132.645.084	971.404.742.038
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.061.132.645.084	971.404.742.038
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	23	-	5.093.483.305
Quỹ đầu tư và phát triển	418	26	43.550.163.077	40.681.624.825
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		198.727.250.046	142.498.081.774
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		252.525.118.016	216.801.438.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.757.661.968.522	2.638.602.736.047

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 02 – DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	9.898.430.954.668	7.939.698.170.623
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(8.488.551.696)	(9.456.390.759)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	28	9.889.942.402.972	7.930.241.779.864
Giá vốn hàng bán	11	29	(9.398.256.118.814)	(7.429.963.163.553)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		491.686.284.158	500.278.616.311
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	131.313.611.859	11.387.456.520
Chi phí tài chính	22	31	(54.132.416.925)	(67.564.894.871)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(52.929.724.175)	(64.142.222.565)
Phân lãi trong công ty liên kết	24	7(c)	13.971.199.185	8.751.205.868
Chi phí bán hàng	25	32	(233.222.725.452)	(187.250.220.059)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	(181.799.948.240)	(165.213.173.009)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	30		167.816.004.585	100.388.990.760
Thu nhập khác	31	34	44.053.625.861	51.237.208.578
Chi phí khác	32	35	(6.482.931.382)	(32.978.275.834)
Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		37.570.694.479	18.258.932.744
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		205.386.699.064	118.647.923.504
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37(b)	(40.962.972.756)	(31.908.297.424)
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37(b)	(1.147.250.746)	1.041.391.181
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		163.276.475.562	87.781.017.261
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		103.861.038.432	51.807.692.432
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		59.415.437.130	35.973.324.829
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3.569	2.074

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Phương pháp gián tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 03 – DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		205.386.699.064	118.647.923.504
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.344.224.149	46.268.640.090
Các khoản dự phòng	03		24.327.190.105	(1.694.187.478)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		3.386.630.109	(2.481.039.874)
Lãi từ thanh lý đầu tư vào một công ty con	05		(4.266.034.971)	-
Lãi từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	05		(110.235.368.205)	(664.950.000)
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	05		-	2.694.669.694
Lỗ từ xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05		-	245.616.673
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(10.067.082.253)	(5.392.421.309)
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(13.971.199.185)	(8.751.205.868)
Chi phí lãi vay	06		52.929.724.175	64.142.222.565
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		197.834.782.988	213.015.267.997
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(160.476.732.231)	84.195.221.794
Biến động hàng tồn kho	10		11.886.374.627	192.664.732.756
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		213.076.128.815	(59.650.523.725)
Biến động chi phí trả trước	12		(218.209.528)	7.183.348.182
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		7.990.069.578	(1.634.020.490)
			270.092.414.249	435.774.026.514
Tiền lãi vay đã trả	14		(53.658.708.530)	(67.733.019.851)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.099.925.042)	(31.054.179.708)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.831.646.219)	(8.263.611.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		174.502.134.458	328.723.215.089

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2015 VND	2014 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(124.820.974.062)	(123.164.262.896)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		10.663.750.136	10.094.569.908
Tiền chi thuần từ thanh lý đầu tư vào một công ty con		39	(280.685.507)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư dài hạn khác			28.422.900.000	907.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(46.100.000.000)	(23.624.031.482)
Tiền chi đầu tư ngắn hạn			-	(10.700.000.000)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty liên kết			-	734.199.983
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		11.879.232.253	5.392.421.309
Tiền thu hồi tài sản dài hạn khác			(2.604.313.701)	(2.392.449.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(122.840.090.881)	(142.752.052.178)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		4.135.769.213.612	3.870.681.841.050
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.105.552.773.699)	(4.039.649.274.822)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát			4.644.400.000	29.098.000.000
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(1.326.047.264)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(29.546.322.250)	(30.485.248.830)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36		(25.042.746.313)	(21.592.647.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.728.228.650)	(193.273.377.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		31.933.814.927	(7.302.214.486)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		179.855.579.173	187.157.793.659
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	211.789.394.100	179.855.579.173

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;

- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;

- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 1.847 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.810 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 13 công ty con và 6 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12 công ty con và 4 công ty liên kết) như sau:

Các công ty con

SỐ	TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	PHẦN TRĂM LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI NGÀY	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cán Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao (*)	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%	55%

SỐ	TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	PHẦN TRĂM LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI NGÀY	
				31/12/2015	1/1/2015
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cán Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Huyện Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,07%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thổ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn (*)	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	-
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh (*)	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

SỐ	TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	PHẦN TRĂM LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI NGÀY	
				31/12/2015	1/1/2015
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	93%	-
14	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong (**)	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	55-55B Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	-	51%
15	Công ty TNHH Đông Đô Thành (**)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	03 Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	55%

Công ty liên kết

SỐ	TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	PHẦN TRĂM LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI NGÀY	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	37,33%	37,33%
2	Công ty Liên doanh Comfort-Delgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
3	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,16%	35,16%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, Nguyễn Huệ, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27,5%	27,5%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	40%	-

SỐ	TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	PHẦN TRĂM LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI NGÀY	
				31/12/2015	1/1/2015
6	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (*)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	-

(*) Trong năm, Công ty đã góp thêm lần lượt 4,62%, 80%, 90% và 93% vốn vào các công ty con – Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao, Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh và Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu và góp lần lượt 40% và 51% vốn vào các công ty liên kết – Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam và Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.

(**) Trong năm, Công ty đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Đông Đô Thành (Thuyết minh 39) và giải thể một công ty con – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh

nh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh số 4(a));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(b));
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(u)).

Các Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 41 của báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ

khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng

chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm dự án khu dân cư, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế.

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và bình quân gia quyền đối với phụ tùng thay thế và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 42 năm
- máy móc và thiết bị 4 – 8 năm
- thiết bị văn phòng 2 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 6 năm
- khác 3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh

một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được kế toán tương tự như đối với bất động sản đầu tư cho thuê. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được tiếp tục trích khấu hao nữa. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền

và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển vào quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ dự phòng nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe máy.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp

đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông, được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông

phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm 590 VND.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) Các bên liên quan

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B.09 – DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Cho năm kết thúc:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bộ phận	9.522.163.333.850	7.561.303.976.857	367.779.069.122	368.937.803.007	-	-	9.889.942.402.972	7.930.241.779.864
Thu nhập khác của bộ phận	41.528.665.325	41.189.305.213	114.408.860.771	177.562.099.793	6.811.587.049	3.597.275.690	162.749.113.145	62.542.790.696
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(9.057.807.373.899)	(7.189.418.469.165)	(340.448.744.915)	(240.544.694.388)	-	-	(9.398.256.118.814)	(7.429.963.163.553)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(399.980.872.766)	(332.682.787.935)	(67.329.066.480)	(108.436.284.328)	(1.861.951.371)	(1.878.258.410)	(469.171.890.617)	(442.997.330.673)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	105.903.752.510	80.392.024.970	74.410.118.498	37.713.034.084	4.949.635.678	1.719.017.280	185.263.506.686	119.824.076.334
Doanh thu không phân bổ							26.589.323.760	8.833.080.270
Chi phí không phân bổ							(6.466.131.382)	(10.009.233.100)
Thuế thu nhập							(42.110.223.502)	(30.866.906.243)
							163.276.475.562	87.781.017.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B.09 – DN/HN

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	1.054.513.812.558	720.206.967.182	182.443.804.366	82.415.443.355	40.726.185.952	47.545.504.496	1.277.683.802.876	850.167.915.033
Tài sản dài hạn	272.872.297.366	278.601.352.634	1.205.201.878.281	1.505.050.368.887	-	1.015.264.000	1.478.074.175.647	1.784.666.985.521
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.903.989.999	3.767.835.493
	1.327.386.109.924	998.808.319.816	1.387.645.682.647	1.587.465.812.242	40.726.185.952	48.560.768.496	2.757.661.968.522	2.638.602.736.047
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	852.706.501.149	567.218.156.266	346.119.578.398	404.632.278.407	-	13.763.891.686	1.198.826.079.547	985.614.326.359
Nợ dài hạn	2.363.244.775	129.280.877.121	495.339.999.116	547.996.656.143	-	4.306.134.386	497.703.243.891	681.583.667.650
	855.069.745.924	696.499.033.387	841.459.577.514	952.628.934.550	-	18.070.026.072	1.696.529.323.438	1.667.197.994.009
Cho năm kết thúc ngày	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Khấu hao và phân bổ	30.982.511.416	22.027.755.331	19.361.712.733	24.240.884.759	-	-	50.344.224.149	46.268.640.090
Các khoản dự phòng	27.636.972.102	1.369.852.856	-	(3.309.781.997)	(3.064.040.334)		24.327.190.105	(1.694.187.478)
Chi tiêu vốn	70.006.502.577	95.329.743.763	54.814.471.485	27.834.519.133	-	-	124.820.974.062	123.164.262.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	10.979.173.552	7.258.329.191
Tiền gửi ngân hàng	124.714.063.810	129.005.709.982
Các khoản tương đương tiền	76.096.156.738	43.591.540.000
	211.789.394.100	179.855.579.173

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 482 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 2.542 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015	1/1/2015	
	SỐ LƯỢNG	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ VND	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	
	SỐ LƯỢNG	SỐ LƯỢNG	
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:			
Cổ phiếu niêm yết			
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	39.159	694.914.918	1.640.762.100
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	10.086.780.000
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	518.983	3.946.111.619	2.127.830.300
• Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	8.300	114.384.375	117.030.000
Cổ phiếu chưa niêm yết			
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	5.000.000.000
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	90.000	9.000.000.000	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	1.260.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh	1.350.000	13.500.000.000	-
• Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	812	2.052.543	-
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	-	-
• Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	-	-	-
	55.600.139.455	(15.845.846.319)	(15.783.080.354)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này. Các công ty nhận đầu tư này đang có lợi nhuận, vì thế Ban Tổng Giám đốc tin rằng không có sự suy giảm về giá trị đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

(**) Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư dựa trên tình hình tài chính của từng khoản đầu tư này.

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	15.783.080.354	19.280.834.639
Dự phòng sử dụng trong năm	1.727.092.829	-
Hoàn nhập	(1.664.326.864)	(3.497.754.285)
Số dư cuối năm	15.845.846.319	15.783.080.354

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
• Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
• Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.700.000.000	4.700.000.000

(c). Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	% VỐN SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ VND
Đầu tư vốn vào:					
Công ty liên kết					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	70.072.710	(*)	-
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	33.458.203.711	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	53.843.827.214	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (a)	27,50%	27,50%	13.625.820.140	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	28,19%	28,19%	9.352.545.577	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (b)	40,00%	40,00%	10.412.954.285	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (c)	51,00%	51,00%	32.061.668.236	(*)	-
			152.825.091.873		-
Các khoản đầu tư khác					
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			5.315.264.000	(*)	-
			158.140.355.873		-
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	% VỐN SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ VND
			ĐÁ PHÂN LOẠI LẠI		ĐÁ PHÂN LOẠI LẠI
Đầu tư vốn vào:					
Các công ty liên kết					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	70.072.710	(*)	-
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	30.680.975.476	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	47.679.461.182	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (a)	31,71%	35,41%	12.983.670.429	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	28,19%	28,19%	7.451.862.891	(*)	-
			98.866.042.688		-
Các khoản đầu tư khác					
• Công ty TNHH Savico-Vinaland (d)			82.850.000.000	(*)	(3.372.547.962)
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			1.015.264.000	(*)	-
			83.865.264.000		(3.372.547.962)
			182.731.306.688		(3.372.547.962)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- Trong năm, Tập đoàn đã góp thêm 1.200 triệu VND vào vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương.
- Vào ngày 12 tháng 8 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam với vốn điều lệ được duyệt là 25 tỷ VND, trong đó 40% vốn điều lệ được duyệt được góp bởi Tập đoàn. Tại ngày báo cáo tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn.
- Vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết định góp 31 tỷ VND vào Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tương đương 51% vốn góp. Tại ngày báo cáo tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn. Tập đoàn hạch toán khoản đầu tư này như là đầu tư vào công ty liên kết vì Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể để chi phối tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.
- Vào ngày 20 tháng 10 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết định thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một khoản đầu tư khác cho Vinaland Investment Limited. Tập đoàn ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn với Vinaland Investment Limited theo đó Tập đoàn chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ phần vốn góp của Tập đoàn cho Vinaland Investment Limited.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2015 VND	2014 VND
Đầu tư mới	41.800.000.000	13.050.000.000
Phần lãi thuần trong các công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	13.971.199.185	8.751.205.868
Cổ tức từ các công ty liên kết	(1.812.150.000)	(7.075.672.500)
Thanh lý các công ty liên kết	-	(8.909.369.677)
Chuyển nhượng nội bộ một công ty liên kết	-	6.040.500.000
Thu hồi một phần các khoản đầu tư trong một công ty liên kết	-	(560.000.000)
	152.825.091.873	98.866.042.688

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.372.547.962	2.938.834.011
Tăng dự phòng trong năm	-	433.713.951
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.372.547.962)	-
Số dư cuối năm	-	3.372.547.962

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN 31/12/2015 VND	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ 31/12/2015 VND	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU 31/12/2015 VND	LỢI NHUẬN/ (LỖ) THUẦN SAU THUẾ 31/12/2015 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	-
Công ty Liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	92.648.243.863	9.065.421.704	83.582.822.159	6.976.246.639
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	437.030.507.290	283.891.066.975	153.139.440.315	22.914.663.107
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương	90.340.423.544	61.849.399.927	28.491.023.617	(1.560.481.586)
Công ty Cổ phần (DANA FORD)	52.278.376.687	29.930.008.677	22.348.368.010	9.219.847.743
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	150.548.138.286	125.465.752.575	25.082.385.711	1.032.385.711
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	192.364.454.444	117.417.504.020	74.946.950.424	14.946.307.600
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN 1/1/2015 VND	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ 1/1/2015 VND	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU 1/1/2015 VND	LỢI NHUẬN/ (LỖ) THUẦN SAU THUẾ 2014 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	(2.513.599.335)
Công ty Liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	85.898.446.146	9.253.491.173	76.644.954.973	(2.970.051.056)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	363.349.307.806	227.742.194.090	135.607.113.716	26.269.432.736
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương	39.365.661.078	14.632.971.369	24.732.689.709	(187.310.291)
Công ty Cổ phần (DANA FORD)	44.220.768.810	26.149.427.017	18.071.341.793	8.304.750.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khách hàng liên quan đến doanh thu bán hàng hóa	263.039.291.317	174.762.022.082
Các khách hàng liên quan đến doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	4.290.319.052	3.691.373.860
Các khách hàng liên quan đến doanh thu chuyển nhượng bất động sản	453.540.087	1.025.000.000
Các khách hàng khác	5.233.638.548	1.017.268.034
	273.016.789.004	180.495.663.976

9. PHẢI THU KHÁC

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		Đã phân loại lại
Thu từ thanh lý đầu tư khác	29.245.050.000	-
Đặt cọc cho hoạt động bán hộ khách hàng xe đã qua sử dụng	25.451.621.967	20.299.528.603
Tạm ứng cho người lao động	7.887.176.981	13.027.045.326
Đặt cọc ngắn hạn	1.138.694.958	2.412.362.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.751.047.344	13.920.523.816
	84.473.591.250	49.659.459.745

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		Đã phân loại lại
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	113.406.731.568	115.786.376.112
Đặt cọc dài hạn	10.337.346.792	23.158.821.481
Các khoản phải thu dài hạn khác	11.328.066.700	9.345.621.247
	135.072.145.060	148.290.818.840

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		1/1/2015	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ	GIÁ TRỊ GHI SỐ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.961.388.308	-	15.553.222.728	-
Vật tư và phụ tùng thay thế	6.497.681.003	(2.591.856.758)	28.669.192.334	(3.489.943.669)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.283.416.147	(21.975.574.661)	23.017.854.422	-
Thành phẩm	168.314.803	-	213.035.173	-
Hàng hóa	499.674.298.317	-	280.997.400.262	-
Hàng gửi đi bán	-	-	601.818.182	-
	616.585.098.578	(24.567.431.419)	349.052.523.101	(3.489.943.669)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.489.943.669	2.564.496.168
Tăng dự phòng trong năm	22.316.728.886	943.161.465
Hoàn nhập	(1.112.858.045)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(17.713.964)
Giảm dự phòng thông qua thanh lý đầu tư vào một công ty con	(126.383.091)	-
Số dư cuối	24.567.431.419	3.489.943.669

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 211.301 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 165.003 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	174.135.207.080	43.764.931.282	12.550.592.079	32.717.623.032	9.265.125.830	272.433.479.303
Tăng trong năm	13.851.862.165	3.720.360.998	3.056.741.731	28.170.178.592	130.060.000	48.929.203.486
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.885.763.474	753.829.989	-	270.602.092	656.097.273	14.566.292.828
Thanh lý	-	-	-	(18.580.776.762)	-	(18.580.776.762)
Xóa sổ	(3.662.176.731)	(312.092.389)	-	-	-	(3.974.269.120)
Giảm do thanh lý đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh số 39)	-	(2.757.313.063)	(5.280.483.547)	(2.396.717.910)	-	(10.434.514.520)
Số dư cuối năm	197.210.655.988	45.169.716.817	10.326.850.263	40.180.909.044	10.051.283.103	302.939.415.215
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44.544.980.220	23.419.094.108	8.984.679.177	9.806.608.655	3.843.511.435	90.598.873.595
Khấu hao trong năm	16.815.251.397	5.829.591.899	882.752.915	5.030.031.825	1.282.612.041	29.840.240.077
Thanh lý	-	-	-	(4.724.335.913)	-	(4.724.335.913)
Xóa sổ	(3.662.176.731)	(312.092.389)	-	-	-	(3.974.269.120)
Giảm do thanh lý đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh số 39)	-	(1.511.396.121)	(4.103.556.114)	(747.332.032)	-	(6.362.284.267)
Số dư cuối năm	57.698.054.886	27.425.197.497	5.763.875.978	9.364.972.535	5.126.123.476	105.378.224.372
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	129.590.226.860	20.345.837.174	3.565.912.902	22.911.014.377	5.421.614.395	181.834.605.708
Số dư cuối năm	139.512.601.102	17.744.519.320	4.562.974.285	30.815.936.509	4.925.159.627	197.561.190.843

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 24.489 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 22.906 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 54.672 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 40.872 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	43.773.551.509	2.151.250.350	60.558.856.159
Tăng trong năm	20.697.299.091	-	380.000.000	21.077.299.091
Giảm do thanh lý đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh số 39)	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số dư cuối năm	35.331.353.391	43.773.551.509	2.491.250.350	81.596.155.250
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	7.846.557.168	1.992.898.161	9.839.455.329
Khấu hao trong năm	-	1.021.268.280	121.003.059	1.142.271.339
Giảm do thanh lý đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh số 39)	-	-	(34.700.149)	(34.700.149)
Số dư cuối năm	-	8.867.825.448	2.079.201.071	10.947.026.519
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	35.926.994.341	158.352.189	50.719.400.830
Số dư cuối năm	35.331.353.391	34.905.726.061	412.049.279	70.649.128.731

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.815 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.785 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 27.259 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 27.899 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	737.700.368.141	741.550.060.270
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	-	6.783.801.423
	737.700.368.141	748.333.861.693

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	NHÀ CỬA VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	133.201.140.041	720.839.626.254	854.040.766.295
Tăng trong năm	-	15.705.960.000	15.705.960.000
Thanh lý	-	(363.636.364)	(363.636.364)
Phân loại lại	(7.187.537.591)	7.187.537.591	-
Số dư cuối năm	126.013.602.450	743.369.487.481	869.383.089.931
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.501.166.485	93.989.539.540	112.490.706.025
Khấu hao trong năm	1.323.899.208	18.037.813.525	19.361.712.733
Thanh lý	-	(169.696.968)	(169.696.968)
Phân loại lại	(10.542.127.563)	10.542.127.563	-
Số dư cuối năm	9.282.938.130	122.399.783.660	131.682.721.790
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	114.699.973.556	626.850.086.714	741.550.060.270
Số dư cuối năm	116.730.664.320	620.969.703.821	737.700.368.141

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 19.702 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12.746 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 675.102 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 671.154 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND
Số dư đầu năm	6.783.801.423
Chuyển sang hàng tồn kho	(6.783.801.423)
Số dư cuối năm	-

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	434.645.996.921	616.786.347.775
Tăng trong năm	39.747.170.349	36.764.597.374
Chuyển sang hàng tồn kho	(288.387.934.445)	(211.875.530.132)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(6.783.801.423)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.566.292.828)	-
Xóa sổ	-	(245.616.673)
Số dư cuối năm	171.438.939.997	434.645.996.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	83.794.011.286
Dự án 104 Phố Quang	37.958.276.918	34.878.168.629
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	28.197.102.382	18.228.025.937
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11.134.809.686	11.110.328.757
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	241.318.083	240.556.083
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Nam Sông Hậu	6.980.649.897	-
Xây dựng cửa hàng trưng bày của Vinh Thịnh	2.574.783.625	-
Dự án Quốc lộ 13	-	205.001.515.814
Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng	-	74.563.358.488
Chi phí nâng cấp chỗ sửa ô tô của Toyota Pháp Vân, một chi nhánh của Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	-	3.654.200.366
Dự án Chi nhánh Hyundai Gia Lai (một chi nhánh của Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng)	-	3.175.831.561
	171.438.939.997	434.645.996.921

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không có xây dựng cơ bản dở dang (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 46.040 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 639 triệu VND (2014: 6.170 triệu VND).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	122.880.667	151.809.091
Công cụ và dụng cụ	2.576.014.331	1.608.851.601
Chi phí nâng cấp	-	611.856.700
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.962.421.422	4.027.869.485
	7.661.316.420	6.400.386.877

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công cụ và dụng cụ	4.535.010.817	2.671.477.178
Chi phí đất trả trước	4.616.946.843	12.733.960.616
Chi phí nâng cấp	1.339.258.823	14.781.713.089
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.164.303.289	6.596.391.920
	13.655.519.772	36.783.542.803

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	GIÁ GỐC VND	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND	GIÁ GỐC VND	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	97.723.180.000	97.723.180.000	18.016.390.800	18.016.390.800
Công ty TNHH Ford Việt Nam	13.026.629.433	13.026.629.433	14.281.386.897	14.281.386.897
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Toyota	4.279.108.598	4.279.108.598	11.042.032.530	11.042.032.530
Các nhà cung cấp khác	55.690.438.534	55.690.438.534	53.228.249.067	53.228.249.067
	170.719.356.565	170.719.356.565	96.568.059.294	96.568.059.294

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2015 VND	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM VND	CẢN TRỪ/ ĐÃ NỘP TRONG NĂM VND	31/12/2015 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	5.625.774.566	999.722.467.084	(999.215.614.716)	6.132.626.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.313.503.872	40.962.972.756	(32.099.925.042)	17.176.551.586
Thuế thu nhập cá nhân	4.582.896.487	10.383.612.022	(12.860.912.675)	2.105.595.834
Các khoản phải nộp khác				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Thuê đất	7.019.278.077	12.732.173.718	(9.738.385.784)	10.013.066.011
Các khoản phải nộp khác	8.111.143.325	117.949.776	(7.112.511.775)	1.116.581.326
	33.652.596.327	1.063.919.175.356	(1.061.027.349.992)	36.544.421.691

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi vay	428.742.983	519.068.474
Phí thuê	2.978.427.840	254.143.228
Chi phí lương và các chi phí có liên quan	4.738.044.256	4.676.937.820
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.521.168.523	9.783.046.548
Chi phí hoạt động phải trả	4.221.382.710	3.810.076.095
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	16.842.516.224	7.958.733.578
	38.730.282.536	27.002.005.743

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	12.227.716.018	16.181.576.011
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	101.358.497	260.677.306
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.676.455.900	6.844.690.105
	19.005.530.415	23.286.943.422

(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	103.462.855.900	109.040.272.238
Doanh thu cho thuê đất	-	9.004.800.000
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.676.455.900)	(6.844.690.105)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	96.786.400.000	111.200.382.133

20. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả khác – ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Cổ tức phải trả	1.782.554.795	6.974.401.435
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	63.874.447.722	59.101.838.270
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (a)	85.950.625.357	40.235.200.000
Phải trả một khách hàng	5.856.400.000	5.856.400.000
Phải trả Vinaland Investments Limited	-	130.323.934.900
Phải trả các đối tác khác liên quan đến Dự án Phan Văn Trị	-	1.130.055.440
Vay từ bên thứ ba	-	1.800.000.000
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	2.966.568.874	3.117.487.977
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.090.503.557	11.611.511.378
	172.521.100.305	260.150.829.400

a. Phải trả đối tác của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 về một dự án tại 104 Phố Quang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Phải trả khác – dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản nhận đặt cọc dài hạn	57.997.149.952	45.977.607.041
Chia lợi nhuận từ công ty liên kết cho bên thứ ba	2.265.585.765	-
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	92.249.751.045	127.332.303.050
Khoản phải trả sau 12 tháng	152.512.486.762	173.309.910.091

(*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Bình An	24.239.513.834	22.042.917.434
Dự án Quốc lộ 13	-	25.098.400.000
Dự án Cao ốc Văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	56.672.384.699	47.714.227.225
Dự án 104 Phố Quang	-	10.000.000.000
Dự án Phan Văn Trị	-	14.882.586.965
Chi phí thuê đất phải trả cho chủ đất	11.337.852.512	7.594.171.426
	92.249.751.045	127.332.303.050

21. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		BIẾN ĐỘNG TRONG NĂM		31/12/2015	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND	TĂNG VND	GIẢM VND	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND
Vay ngắn hạn	362.787.833.920	362.787.833.920	4.114.908.202.255	4.021.743.679.968	455.952.356.207	455.952.356.207
Vay dài hạn đến hạn trả	50.345.196.000	50.345.196.000	101.231.304.923	65.845.196.000	85.731.304.923	85.731.304.923
	413.133.029.920	413.133.029.920	4.216.139.507.178	4.087.588.875.968	541.683.661.130	541.683.661.130

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	VND	5,8% - 9,0%	33.966.226.000	57.820.414.750
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	6,0% - 7,5%	9.381.682.000	11.888.570.248
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	6,5% - 13,0%	26.490.454.000	58.994.493.100
Ngân hàng TNHH Indovina (Việt Nam)	VND	6,0% - 13,0%	44.895.071.000	57.837.558.750
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	5,0% - 7,2%	56.127.063.667	8.199.290.000
Mizuho Bank. Ltd.	VND	4,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	VND	7,0% - 7,5%	5.419.225.000	6.676.290.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	VND	2,7% - 4,5%	20.000.000.000	34.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	VND	8,0%	5.304.390.000	879.240.000
Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ. Ltd.	VND	2,2% - 5,4%	73.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	4,4% - 8,0%	107.653.965.142	57.966.359.722
Vay từ một cá nhân	VND	7,5%	350.000.000	890.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	7,9% - 9,2%	19.653.018.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	5,8% - 6,0%	2.947.975.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	6,0%	31.221.284.398	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VND	5,5% - 6,0%	12.413.132.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	7,0%	2.128.870.000	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	VND	7,0%	-	1.090.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank)	VND	7,5%	-	6.121.938.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	6,0% - 8,5%	-	15.027.159.350
Ngân hàng TMCP Bản Việt	VND	8,0%	-	19.396.520.000
			455.952.356.207	362.787.833.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Trong vay ngắn hạn có 255.349 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 68.725 triệu VND) vay không đảm bảo và 200.603 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 294.063 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
		ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Các khoản tương đương tiền	482.090.000	2.541.540.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	5.718.022.800
Hàng tồn kho	165.690.179.522	148.251.615.423
Bất động sản đầu tư	46.376.734.200	33.419.410.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	4.700.000.000
Tài sản cố định hữu hình	12.519.934.171	-
	225.068.937.893	194.630.588.926

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	334.135.662.052	447.418.571.426
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(85.731.304.923)	(50.345.196.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	248.404.357.129	397.073.375.426

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	9,8%	2020	210.000.000.000	288.400.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	9,6%	2016	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	10,5%	2022	15.092.391.678	14.212.391.678
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	9,6%	2017	5.367.117.890	15.550.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	9,8%	2017	36.800.000.000	1.170.000.000
Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ Ltd.	VND	5,0%	2016	3.917.140.795	12.100.100.795
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	9,0%	2017	10.326.000.000	8.052.853.890
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	9,5%	2018	4.721.762.539	3.427.629.732
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	11,0%	2019	5.400.000.000	11.799.566.831
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank)	VND	8,0%	2020	570.000.000	-
Ngân hàng Đại Dương	VND	9,5%	2018	641.249.150	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	9% - 10%	2025	11.300.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina (Việt Nam)	VND	8,0%	2017	-	49.652.778.500
Ngân hàng TMCP Bản Việt	VND	10,9%	2022	-	12.656.250.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	VND	11,0%	2017	-	397.000.000
				334.135.662.052	447.418.571.426
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(85.731.304.923)	(50.345.196.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				248.404.357.129	397.073.375.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Trong vay dài hạn có 15.787 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12.100 triệu VND) vay không đảm bảo và 318.349 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 435.319 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Hàng tồn kho	75.654.574.661	16.751.846.290
Tài sản cố định hữu hình	42.152.119.613	40.872.396.466
Tài sản cố định vô hình	27.259.175.600	27.899.312.792
Xây dựng cơ bản dở dang	-	46.039.831.209
Bất động sản đầu tư	628.725.717.599	637.734.352.845
	773.791.587.473	769.297.739.602

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	8.892.027.107	6.525.093.179
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	14.410.568.261	8.603.572.264
Sử dụng trong năm	(7.463.568.128)	(6.236.635.689)
Số dư cuối năm	15.839.027.240	8.892.029.754

23. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN CỔ PHẦN VND	THẶNG DƯ VỐN CỐ PHẦN VND	CỔ PHIẾU QUỸ VND	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VND	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VND	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI VND	LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT VND	TỔNG CỘNG VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	37.644.799.843	132.541.353.029	175.871.734.703	917.481.484.825
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	51.807.692.432	35.973.324.829	87.781.017.261
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	29.098.000.000	29.098.000.000
Trích quỹ	-	-	-	-	3.036.824.982	(3.036.824.982)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.644.987.627)	(1.958.584.637)	(8.603.572.264)
Có tức	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(21.592.647.531)	(51.563.255.931)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.026.976.177)	(2.026.976.177)	(2.026.976.177)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(171.566.501)	(590.389.175)	(761.955.676)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	40.681.624.825	142.498.081.774	216.801.438.189	971.404.742.038
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	103.861.038.432	59.415.437.130	163.276.475.562
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	4.644.400.000	4.644.400.000
Trích quỹ	-	-	-	-	2.868.538.252	(2.868.538.252)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(12.347.900.190)	(2.062.668.071)	(14.410.568.261)
Có tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(19.426.613.523)	(49.397.221.923)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.368.078.091)	-	(2.368.078.091)
Giảm từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.179.925.933)	(6.179.925.933)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	(5.093.483.305)	-	-	-	(5.093.483.305)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(76.745.227)	(666.949.776)	(743.695.003)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	-	43.550.163.077	198.727.250.046	252.525.118.016	1.061.132.645.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

24. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

25. CỔ TỨC

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2015 đã quyết định chia cổ tức của năm 2014 là 29.971 triệu VND (2014: 29.971 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

26. QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	38.189.029.513	47.257.649.291
Từ hai đến năm năm	91.466.269.340	138.391.280.524
Trên năm năm	84.559.426.596	201.071.134.598
	214.214.725.449	386.720.064.413

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	72.864.258.185	92.299.543.053

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
• Chuyển nhượng bất động sản	160.720.455.551	226.145.504.359
• Bán hàng hóa	9.163.412.511.709	7.091.192.063.245
• Cung cấp dịch vụ	396.526.056.092	479.568.304.371
• Cho thuê bất động sản đầu tư	177.771.931.316	142.792.298.648
	9.898.430.954.668	7.939.698.170.623
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(8.488.551.696)	(9.456.390.759)
Doanh thu thuần	9.889.942.402.972	7.930.241.779.864

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	228.353.697.207	191.174.063.841
Hàng hóa đã bán	8.789.898.918.614	6.860.892.974.256
Dịch vụ đã cung cấp	339.437.919.419	352.712.079.232
Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	19.361.712.733	24.240.884.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.203.870.841	943.161.465
	9.398.256.118.814	7.429.963.163.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.175.994.254	1.995.628.109
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	3.669.527.293	220.282.490
Lãi từ thanh lý đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh số 39)	4.266.034.971	-
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	110.235.368.205	664.950.000
Cổ tức	5.891.087.999	3.396.793.200
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	497.368.874	1.046.570.370
Các doanh thu tài chính khác	2.578.230.263	4.063.232.351
	131.313.611.859	11.387.456.520

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	52.929.724.175	64.142.222.565
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	125.875.773	1.563.492.000
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	2.694.669.694
Chi phí kinh doanh chứng khoán	19.988.704	52.570.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.819.722.064	807.784.082
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(3.309.781.997)	(3.064.040.334)
Các chi phí tài chính khác	2.546.888.206	1.368.196.220
	54.132.416.925	67.564.894.871

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	126.063.098.928	96.620.729.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.583.185.042	42.540.992.082
Công cụ và dụng cụ	14.474.461.907	6.533.851.322
Các chi phí bán hàng khác	47.101.979.575	41.554.646.808
	233.222.725.452	187.250.220.059

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	81.601.173.089	69.058.953.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.278.908.790	41.583.869.890
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	55.919.866.361	54.570.349.582
	181.799.948.240	165.213.173.009

34. THU NHẬP KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	2.481.039.874
Tiền thu từ thanh lý các khoản trả trước dài hạn	-	4.421.964.161
Khấu trừ các khoản phải trả cho nhà cung cấp	14.638.517.320	19.147.172.105
Hoa hồng nhận được từ các bên khác	17.328.561.301	9.150.518.363
Bồi thường từ khách hàng do hủy hợp đồng	44.140.800	7.106.437.840
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng	91.600.000	7.000.000.000
Các thu nhập khác	11.950.806.440	1.930.076.235
	44.053.625.861	51.237.208.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

35. CHI PHÍ KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	3.386.630.109	-
Bồi thường đã trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	16.800.000	-
Nộp bổ sung Ngân sách Nhà nước	-	16.924.009.460
Giá trị còn lại của công cụ và dụng cụ đã thanh lý	-	5.988.045.049
Các chi phí khác	3.079.501.273	10.066.221.325
	6.482.931.382	32.978.275.834

36. CHI PHÍ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	227.754.580.150	191.174.063.841
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	8.908.915.740.327	6.918.360.213.959
Chi phí nhân công và nhân viên	294.501.928.008	245.333.725.996
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.344.224.149	46.268.640.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.786.646.421	160.800.619.922
Các chi phí khác	174.608.441.286	94.569.179.940

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.018.933.373	2.722.698.294
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	572.091.096	1.045.137.199
	2.591.024.469	3.767.835.493

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	41.559.649.442	30.300.444.363
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(596.676.686)	1.607.853.061
	40.962.972.756	31.908.297.424
(Lợi ích)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	674.204.643	3.746.018
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	473.046.103	(1.045.137.199)
	1.147.250.746	(1.041.391.181)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	42.110.223.502	30.866.906.243

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	205.386.699.064	118.647.923.504
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	45.185.073.794	26.102.543.171
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.291.593.875	5.461.590.348
Thu nhập không chịu thuế	(4.461.966.934)	(4.034.210.242)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.234.839.232	3.888.475.754
Lỗ tính thuế được sử dụng	(3.339.185.904)	(2.949.322.078)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con	707.534.116	789.976.229
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho một công ty con	89.012.009	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(596.676.686)	1.607.853.061
	42.110.223.502	30.866.906.243

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và hầu hết các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Thông tư số 141/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 16 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng – một công ty con được giảm 5% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (là 20%) có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước đó nhỏ hơn 20 tỷ VND.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, sau khi giảm trừ các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn trong năm	103.861.038.432	51.807.692.432
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23) (*)	(12.347.900.190)	-
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(2.368.078.091)	-
	89.145.060.151	51.807.692.432

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2015 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	2014 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(*) Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm 590 VND.

39. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn kiểm soát các mối quan hệ với các công ty con và có mối quan hệ liên quan hệ với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

Thanh lý đầu tư vào một công ty con

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã thanh lý đầu tư vào một công ty con – Công ty TNHH Đông Đô Thành. Tập đoàn đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn với Ông Lê Chiến Thắng (Tổng Giám đốc của công ty con này), theo đó Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Đông Đô Thành cho Ông Lê Chiến Thắng kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2015.

Việc xử lý này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý:

	TẠI NGÀY THANH LÝ VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.870.685.507
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	6.000.000.000
Các khoản phải thu của khách hàng	21.527.227.805
Hàng tồn kho	15.626.402.673
Chi phí trả trước ngắn hạn	198.132.665
Tài sản ngắn hạn khác	6.673.069.216
Tài sản cố định hữu hình thuần	4.072.230.253
Tài sản cố định vô hình thuần	5.299.851
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	4.700.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	21.887.170.351
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.560.278
Tài sản dài hạn khác	15.822.987.481
Vay ngắn hạn	(39.152.677.000)
Nợ phải trả ngắn hạn khác	(13.947.932.033)
Vay dài hạn	(11.182.150.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả dài hạn khác	(30.626.116.085)
Lãi suất của cổ đông không kiểm soát	(6.179.925.933)
Tài sản và nợ phải trả thuần phải xử lý	3.323.965.029
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 30)	4.266.034.971
Cân nhắc các khoản phải thu	7.590.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.870.685.507
Tiền và các khoản tương đương tiền thuần từ thanh lý	(280.685.507)

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2015 VND	2014 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.620.000.000	2.744.680.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.962.000.000	1.305.400.000
Ban Kiểm soát	356.020.000	112.500.000
	3.938.020.000	4.162.580.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2015 VND	2014 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	2.130.880.878	1.129.090.909
		Cổ tức	-	5.142.712.500
		Các chi phí tài chính khác	-	12.750.000
		Cho công ty liên kết vay	-	20.000.000.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Chi phí thuê và các chi phí có liên quan tính cho công ty liên kết	-	2.482.487.393
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	-	464.528.000
		Mua thiết bị	-	260.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Bán xe hơi	27.072.754.546	-
		Mua xe hơi	38.616.763.635	-

40. GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2015 VND	2014 VND
Cán trừ thu từ thanh lý đầu tư với các khoản tạm ứng nhận được từ Vinaland Investments Limited trong những năm trước	130.323.934.900	-

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND	1/1/2015 VND
	PHÂN LOẠI LẠI	THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY
Chứng khoán kinh doanh	63.590.209.033	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	69.590.209.033
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	6.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	49.659.459.745	39.537.358.660
Tài sản ngắn hạn khác	-	10.122.101.085
Phải thu dài hạn khác	148.290.818.840	9.345.621.247
Tài sản cố định	232.554.006.538	667.200.003.459
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	434.645.996.921	-
Đầu tư dài hạn khác	-	204.351.640.112
Đầu tư vốn vào các đơn vị khác	83.865.264.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	4.700.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	23.158.821.481
Phải trả ngắn hạn khác	260.150.829.400	267.082.846.811
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23.286.943.422	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	111.200.382.133	127.555.308.144
Quỹ đầu tư và phát triển	40.681.624.825	20.579.438.084
Quỹ dự phòng tài chính	-	20.102.186.741

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	1/1/2015 VND	1/1/2015 VND
	PHÂN LOẠI LẠI	THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY
Thu nhập khác	51.237.208.578	58.850.738.612
Chi phí khác	(32.978.275.834)	(40.591.805.868)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	1/1/2015 VND	1/1/2015 VND
	PHÂN LOẠI LẠI	THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	1.343.209.510
Biến động kinh doanh chứng khoán	(1.634.020.490)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	-	7.598.355.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(23.624.031.482)	(44.899.616.482)
Chi trả các khoản đầu tư ngắn hạn	(10.700.000.000)	-

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập

Người duyệt




Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3821 3913
Fax: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Email: savico@savico.com.vn
www.savico.com.vn